

Đặc san

GIÁO DỤC

ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

International Higher Education

No. 101
(#2-2020)



ĐH FPT lọt top 5 trường tư có công bố quốc tế tốt nhất Việt Nam

Với gần 100 công bố quốc tế, ĐH FPT là một trong 5 trường đại học tư Việt Nam có công bố quốc tế nhiều nhất năm 2019, theo Scopus thế giới.

Xếp hạng được công bố tháng 2/2020. Các công trình nghiên cứu của trường ĐH FPT thuộc lĩnh vực: Công nghệ thông tin, Kinh tế và Ngôn ngữ. Đây cũng là ba mảng đào tạo thế mạnh chính của trường. Với việc hợp tác này, các học viên theo học chương trình đào tạo cao học và quản trị sẽ có cơ hội được tiếp cận với đội ngũ chuyên gia đầu ngành của cả hai quốc gia. Qua đó, các học viên sẽ được trải nghiệm, tìm hiểu nền văn hóa nước bạn với chi phí hợp lý và nhận được sự hỗ trợ từ hai trường.

Đa số công bố quốc tế lĩnh vực Công nghệ thông tin được đăng trên tạp chí Q1 và Q2 chuyên ngành theo xếp hạng Q từ Scopus (Schimago). Những bài đăng này được đánh giá là nghiên cứu chất lượng, có phát hiện tạo ảnh hưởng hoặc gây tác động lớn cho sự phát triển của một ngành hay lĩnh vực của thế giới. Điều này đồng thời thể hiện thế mạnh đào tạo và nghiên cứu của ngôi trường thuộc tập đoàn công nghệ hàng đầu Việt Nam.

Với các công bố quốc tế cho ngành Kinh tế và Ngôn ngữ, trường thể hiện sự chuyên tâm phát triển đồng đều chất lượng nghiên cứu khoa học từ đó tăng cường chất lượng đào tạo cho hai ngành học thu hút đông sinh viên của trường.

Năm 2019, số lượng công bố quốc tế của Trường Đại học FPT tăng 300% so với năm 2018 và tăng gấp bốn lần so với ba năm trước đó. Để có sự nhảy vọt này, trường đã đưa ra chính sách đặc thù khuyến khích phát triển nghiên cứu khoa học chất lượng trong trường.



Chất lượng đào tạo là căn cứ để sinh viên trong nước và quốc tế chọn ĐH FPT là nơi học tập.

FPT Edu Global tổ chức hội thảo trực tuyến “How Covid-19 is reshaping the economy & future workforce – Trends and Changes in higher education”

Ngày 14/5/2020, FPT Edu Global tổ chức hội thảo trực tuyến “How Covid-19 is reshaping the economy & future workforce – Trends and Changes in higher education” thu hút hàng trăm đại biểu tham dự đến từ nhiều quốc gia trên thế giới.

Hội thảo tập trung bàn về những tác động của dịch Covid-19 đến hoạt động giáo dục và những thách thức đặt ra cho các trường đại học trên thế giới. Đây sẽ là nơi kết nối các nhà giáo dục toàn cầu và các lãnh đạo trường đại học cùng chia sẻ, trao đổi và đưa ra những chiến lược để đối phó với tác động của dịch Covid-19.

Tham gia hội thảo có 4 diễn giả đến từ 4 quốc gia đại diện cho 3 châu lục gồm: GS. Michaela Rankin - Phó Trưởng khoa Kinh doanh – Trường Đại học Monash, Úc; GS. TS Khalid Yusoff, FASc – Hiệu trưởng Trường Đại học UCSI, Malaysia; Bà Nazima Canda – Giám đốc Quan hệ quốc tế trường EPITA, Pháp và TS. Nguyễn Thành Nam – Nhà Sáng lập Đại học Trực tuyến FUNIX, Việt Nam.

Tại đây, các diễn giả đã thảo luận về những tác động của dịch Covid-19, cách đối phó với những thách thức và xu hướng thay đổi cho giáo dục đại học trong tương lai. Với tư cách là lãnh đạo các trường - những người ở vị trí đầu tàu đưa ra quyết định về việc đối phó với dịch bệnh trong lĩnh vực giáo dục đại học, các diễn giả đã mang đến một cuộc thảo luận hiệu quả với nhiều góc nhìn, quan điểm khác nhau.

Hội thảo cũng là cơ hội để các trường đại học trên thế giới tăng cường quan hệ hợp tác, thúc đẩy nhau cùng phát triển, vượt qua thách thức và tận dụng những thay đổi mới do dịch Covid-19 đem lại.



Hội thảo được tổ chức dưới hình thức trực tuyến

Tạp chí Giáo dục Đại học Quốc tế (tên tiếng Anh là International Higher Education, viết tắt là IHE) là ấn phẩm định kỳ hàng quý của Trung tâm Giáo dục Đại học Quốc tế (CIHE).

Tạp chí phản ánh sứ mệnh của Trung tâm nhằm tạo tầm nhìn quốc tế hỗ trợ cho việc xây dựng và thực thi chính sách một cách sáng suốt. Thông qua Tạp chí Giáo dục Đại học Quốc tế, mạng lưới các học giả trên thế giới cung cấp thông tin và bình luận về những vấn đề chính yếu của giáo dục đại học toàn cầu. IHE được xuất bản bằng Tiếng Anh, Hoa, Pháp, Nga, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha và Việt Nam. Độc giả có thể xem các ấn bản điện tử này tại

<https://www.internationalhighereducation.net>

Hợp tác với **University World News (UWN)**

Từ tháng 1/2017, CIHE đã hợp tác với UWN - một bản tin cùng các bình luận trực tuyến được phổ biến rộng rãi về bức tranh hiện tại của giáo dục đại học quốc tế. Chúng tôi hân hạnh được tích hợp các nội dung của UWN trên IHE và ngược lại - tích hợp các nội dung của IHE trên Website và bản tin hàng tháng của của UWN.



Đăng ký tạp chí IHE tại ihe@fpt.edu.vn

MỤC LỤC

SINH VIÊN VÀ BẤT ỔN XÃ HỘI TRONG BỨC TRANH TOÀN CẦU

02__ Một cuộc cách mạng sinh viên khác?

Philip G. Altbach và Thierry M. Luescher

04__ Chile: bất ổn xã hội với sự tham gia của sinh viên

Andrés Bernasconi và Pete Leihy

06__ Phản đối của giới trẻ ở Lebanon

Adnan El Amine

09__ Vì sao sinh viên Ấn độ giận dữ đến vậy?

Anonymous

11__ Hồng Kông: các trường đại học trong khủng hoảng và hồi phục

Gerard A. Postiglione

14__ Các trường đại học Catalonia trong khủng hoảng chính trị vì độc lập

Josep M. Duart, Albert Sàngchez-Gelabert và Josep M. Vilalta

CÁC XU THẾ LIÊN KẾT QUỐC TẾ

16__ Cân nhắc về sự phù hợp của các phân hiệu đại học quốc tế

Philip G. Altbach và Hans De Wit

20__ Cách mạng cận biên: các phân hiệu đại học ở Trung Quốc

Gerard A. Postiglione

22__ Phân hiệu đại học quốc tế: học viện Platon thời nay

Lan He và Stephen Wilkins

25__ Quốc tế hóa hoạt động nghiên cứu ở các phân hiệu đại học quốc tế

Jason E. Lane và Hans Pohl

PHÂN TÍCH DU HỌC

27__ Ảnh hưởng của chính sách “China Reset” với du học toàn cầu

Rahul Choudaha

30__ Tuyển sinh quốc tế trong thế giới hậu Trung Quốc

Anna Esaki-Smith

32__ Sinh viên Trung Quốc lo ngại về việc học tập tại Hoa Kỳ

Xiaofeng Wan

GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VÀ VIỆC CÔNG NHẬN

35__ Công nhận bằng cấp chuyên môn toàn cầu

Stamenka Uvalic-Trumbic’

37__ Công nhận trình độ chuyên môn của người tị nạn

Beatrice Kohlenberg và Bryce Loo

BÌNH ĐẰNG VÀ MIỄN HỌC PHÍ

40__ Đo lường tác động của các chính sách hỗ trợ sự công bằng

Jamil Salmi

43__ Sức hấp dẫn của chính sách miễn học phí

John Aubrey Douglass

Ban Tư vấn của IHE/Ấn phẩm của CIHE Hội nghị về Giáo dục đại học quốc tế

Một cuộc cách mạng sinh viên khác?

Philip G. Altbach và Thierry M. Luescher

Philip G. Altbach là Giáo sư nghiên cứu và Giám đốc sáng lập của Trung tâm Giáo dục Đại học Quốc tế tại Boston College, Hoa Kỳ. E-mail: altbach@bc.edu. Thierry Luescher là Giám đốc nghiên cứu về giáo dục và đào tạo sau đại học tại Hội đồng nghiên cứu khoa học con người, và là Phó Giáo sư liên kết trong giáo dục đại học tại University of the Free State, Nam Phi. E-mail: thierry-luescher@hotmail.com.

Trong vài tháng qua, tình trạng bất ổn xã hội nghiêm trọng đã xảy ra ở hơn một chục quốc gia và khu vực, trong số đó có Algeria, Bôlivia, Anh, Catalonia, Chile, Ecuador, Pháp, Guinea, Haiti, Honduras, Hồng Kông, Iraq, Kazakhstan, Lebanon, v.v... Trong nhiều trường hợp, những phong trào xã hội này làm rung chuyển mạnh mẽ hệ thống hiện có, dù kết quả cuối cùng vẫn chưa rõ ràng. Mặc dù các nguyên nhân cũng như các tác nhân chính của mỗi phong trào này khác nhau, dường như có một số yếu tố mang tính phổ biến. Sinh viên là lực lượng chính trong nhiều phong trào và đã tham gia vào mọi sự kiện, ngay cả khi họ không phải là lực lượng trung tâm.

Những nguyên nhân trực tiếp và tiềm ẩn

Những nguyên nhân trực tiếp và gián tiếp dẫn đến phần lớn những biến động gần đây đều không liên quan đến các vấn đề trong trường đại học, ví dụ như học phí hoặc các vấn đề khác. Có lẽ trừ một ngoại lệ là Chile, nơi sự bất bình trước việc chính phủ trì hoãn thực hiện lời hứa miễn học phí đan xen với những vấn đề xã hội rộng hơn. Thật vậy, trường hợp Chile là khá điển hình. Làn sóng phản kháng hiện nay được châm ngòi bởi việc tăng giá vé tàu điện ngầm và ban đầu được khởi xướng bởi học sinh trung học và sinh viên đại học. Sau đó, nó lan rộng ra ngoài phạm vi học đường và ngoài vấn đề giá vé, dẫn đến những cuộc biểu tình phản đối bất bình đẳng xã hội (Chile là một trong những quốc gia bất bình đẳng nhất ở châu Mỹ Latinh), với hơn một triệu người tham gia tại Santiago vào ngày 25 tháng 10 năm 2019.

Trong hầu hết các trường hợp, các phong trào phản kháng khởi phát từ một vấn đề cụ thể, nhưng sớm phát triển vượt xa vấn đề đó. Những cuộc biểu tình kéo dài ở Hồng Kông, đôi khi có hơn một triệu người (một phần năm tổng dân số) tham gia, bắt đầu từ việc phản đối một đạo luật dẫn độ cho phép chính quyền gửi người bị kết án phạm tội về Trung Quốc đại lục. Sau đó những người biểu tình đã sớm mở rộng yêu sách sang các vấn đề về quyền dân chủ, một quy chế riêng biệt cho Hồng Kông, và ẩn đằng sau tất cả những điều này là sự bất mãn lớn về chi phí nhà ở và tình trạng bất bình đẳng nói chung. Các cuộc biểu tình ở Iraq dẫn đầu bởi sinh viên nhưng sớm lôi kéo mọi thành phần xã hội tham gia và lan sang các thành phố lớn trong nước, bắt đầu với những vấn đề tham nhũng và việc thiếu hụt các dịch vụ cơ bản, rồi nhanh chóng mở rộng sang sự bất mãn với chế độ độc tài và những vấn đề khác.

Hầu như mọi phong trào phản kháng này đều có chung một yếu tố cơ bản là sự bất bình trước tình trạng bất bình đẳng xã hội, trước khoảng cách ngày càng tăng giữa người giàu và người nghèo, và cảm giác rằng một bộ phận lớn

Tóm tắt

Một làn sóng hoạt động xã hội của sinh viên đang diễn ra trên toàn thế giới. Các quốc gia và khu vực như Algeria, Bôlivia, Anh, Catalonia, Chile, Ecuador, Pháp, Guinea, Haiti, Honduras, Hồng Kông, Iraq, Kazakhstan và Lebanon cùng một số quốc gia khác đã chứng kiến các phong trào hoạt động xã hội của sinh viên trong khuôn viên nhà trường, một số dẫn tới sự lật đổ chính phủ. Nguyên do và kết quả của các phong trào này rất đa dạng, nhưng hầu hết đều liên quan đến bất bình đẳng xã hội.

Hầu như mọi phong trào phản kháng này đều có chung một yếu tố cơ bản là sự bất bình trước tình trạng bất bình đẳng xã hội.

dân số bị “bỏ rơi” bởi chính sách phi chính trị và sự vô cảm của “tầng lớp chính trị”. Theo nghĩa này, nguyên nhân dẫn đến làn sóng bất ổn xã hội hiện nay không giống những động lực góp phần vào sự đắc cử của Donald Trump ở Hoa Kỳ hay Brexit ở Vương quốc Anh.

Người ta cũng có thể nhớ lại những phong trào ở Bắc Phi và Trung Đông đã dẫn đến “Mùa Xuân Ả Rập” vào đầu những năm 2010. Phong trào Mùa Xuân Ả Rập ban đầu được thúc đẩy bởi những người trẻ tuổi, cựu sinh viên đang thất nghiệp và sinh viên đại học. Nó phản ánh một sự bất mãn tương tự với trật tự chính trị được thiết lập và thường mang tính áp đặt.

Tình trạng bất bình đẳng xã hội lan rộng và thực trạng bi quan sâu sắc về triển vọng công việc trong tương lai sau khi tốt nghiệp đã tạo ra một động lực phản kháng mạnh mẽ.

Các biến số của thế kỷ hai mốt

Ngày nay các phong trào phản kháng có một số đặc điểm quan trọng. Chúng có xu hướng phi lãnh đạo, khiến các nhà chức trách khó đàm phán với người biểu tình, hoặc thậm chí chính những người tham gia cũng khó đưa ra được những lý lẽ và những yêu cầu thống nhất. Chính sự tự phát đã mang đến cho những phong trào này năng lượng phản kháng, cùng sự khó lường. Các cuộc biểu tình thường bắt đầu rất ôn hòa - mặc dù vẫn có những nhóm nhỏ tham gia vào bạo lực bên ngoài những đám đông biểu tình lớn - và đôi khi tình hình trở nên xấu đi, biến thành các cuộc chiến đường phố, khi đó những hành động hung hăng của cảnh sát trở thành yếu tố trấn áp, duy trì hoặc khiến đung độ leo thang.

Và tất nhiên, phương tiện truyền thông xã hội - một lực lượng đặc biệt mạnh mẽ trong giới trẻ và sinh viên - trở thành công cụ chính để tạo nhận thức, huy động và tổ chức phong trào. Nhiều phong trào sinh viên nổi tiếng nhất trong thập kỷ qua đã tiến hành những chiến dịch trực tuyến lớn. Cụm từ #FeesMustFall (cản giảm học phí), bắt đầu ở Nam Phi vào năm 2015, thu hút đến nỗi được sử dụng một lần nữa bởi các phong trào sinh viên ở Ấn Độ và Uganda vào tháng mười và tháng mười một năm 2019 khi họ đưa ra yêu cầu tương tự. Đối với các chính phủ, sức mạnh của phương tiện truyền thông xã hội trong các phong trào phản kháng vẫn là một thách thức, và ở nhiều nơi, chính quyền phản ứng bằng cách làm chậm tốc độ truy cập Internet, hoặc tạo ra sự cố để ngăn chặn phương tiện truyền thông xã hội.

Vai trò của sinh viên

Sinh viên là những người khởi xướng quan trọng trong một số phong trào xã hội gần đây, Hồng Kông và Iraq là những ví dụ điển hình. Ở những nơi khác, chẳng hạn như phong trào “gilets jaunes” (áo vàng) ở Pháp, sinh viên không đóng vai trò khởi xướng, và cũng không phải là lực lượng quan trọng xuyên suốt của phong trào. Tuy nhiên, ngay cả khi sinh viên là lực lượng chính thì sự tham gia của họ cũng không có nghĩa là các vấn đề liên quan đến giáo dục là chủ đề chính. Và công bằng mà nói, không giống như trong các phong trào xã hội của thập niên 1960, sinh viên không phải lúc nào cũng là diễn viên trung tâm, nhưng ít nhất họ tham gia vào hầu hết các sự kiện, và giữ vai trò lãnh đạo trong một số sự kiện đó.

Thập kỷ tiếp theo sau cuộc Đại Suy Thoái bắt đầu bằng các cuộc biểu tình của sinh viên. Thực tế, mặc dù năm 2019 trở thành năm quốc tế của các cuộc biểu tình đường phố, sinh viên đã bắt đầu xuống đường phản đối các chính sách thất lưng buộc bụng và gia tăng bất bình đẳng xã hội trong những năm trước đó. Cú hích dẫn đến sự phản kháng của sinh viên là việc các chính phủ ngày càng cố gắng tư nhân hóa giáo dục đại học, giảm chi ngân sách cho lĩnh vực này - như một phần của chính sách thất lưng buộc bụng. Trong một thập kỷ, tại Bangladesh, Anh, Chile, Đức, Ấn Độ, Ý, Malaysia, Quebec, Nam Phi, Hàn Quốc, Uganda, v.v... - ở khắp các lục địa, đã diễn ra nhiều cuộc biểu tình của sinh viên về học phí. Một khía cạnh mới - và có lẽ là tiền thân của các xu hướng trong tương lai - là sự tham gia của học sinh trung học vào các phong trào xã hội, và trong một vài trường hợp, như ở Chile và Hồng Kông, vào các cuộc đấu tranh chính trị, nhưng quan trọng hơn là vào những hoạt động xã hội môi trường ngày càng mạnh mẽ trên toàn thế giới.

Những gì chúng ta đã chứng kiến vào năm 2019 có thể không hoàn toàn là một cuộc cách mạng (revolution) sinh viên như năm 1968, có lẽ chỉ nên coi đó là một bước tiến hóa (evaluation) của giới trẻ. Tuy nhiên, vai trò quan trọng của sinh viên với tư cách là một nhóm cụ thể trong các phong trào xã hội hiện nay là không thể phủ nhận, không chỉ trong những đòi hỏi công bằng xã hội của họ và những hành động khởi đầu cho làn sóng hoạt động xã hội hiện nay.

Chile: bất ổn xã hội với sự tham gia của sinh viên

Andrés Bernasconi và Pete Leihy

Andrés Bernasconi là Giáo sư chuyên ngành Giáo dục, Pontificia Universidad Católica de Chile, Santiago, Chile. E-mail: abernasconi@uc.cl. Pete Leihy là nghiên cứu sinh sau tiến sĩ tại School of Education, Pontificia Universidad Católica de Chile. E-mail: peodair@gmail.com.

Trong những tháng gần đây, những cuộc biểu tình rầm rộ đã làm tê liệt các thành phố và quốc gia trên thế giới. Vốn là một đất nước yên bình, Chile – quốc gia dẫn đầu châu Mỹ Latinh về phát triển kinh tế trong 30 năm qua – trở thành tan hoang sau các cuộc biểu tình và bạo lực. Vào ngày 10 tháng 10 năm 2019, những cuộc tấn công phối hợp đồng thời diễn ra tại 118 nhà ga tàu điện ngầm ở thủ đô Santiago, 25 nhà ga bị đốt cháy, và 7 nhà ga bị phá hủy hoàn toàn. Mặc dù mức độ tập trung và quy mô lớn của các cuộc tấn công cho thấy là có kẻ chủ mưu, cho đến nay vẫn không có bằng chứng về bất kỳ một cá nhân hoặc một tổ chức chịu trách nhiệm.

Sau sự kiện đó, những người biểu tình trên khắp đất nước đã xuống đường, mang theo nỗi giận dữ và sự thất vọng của mình tham gia vào những cuộc tuần hành rầm rộ. Lần này, dẫn đầu các cuộc biểu tình không phải là các chính trị gia non trẻ từ các trường đại học và các trường trung học, mà là các băng đảng bạo loạn đeo mặt nạ. Trong suốt 3 tháng, những hành động bạo lực ngoài lề cùng các chương trình nghị sự chính trị không rõ nguồn gốc đã

Tóm tắt

Từ tháng mười năm 2019, các cuộc biểu tình rộng khắp ở Chile đã làm bộc lộ những nỗi thất vọng, và tình trạng bạo lực tàn khốc. Có những người đánh giá cao sự thỏa hiệp trong quá khứ trong việc thúc đẩy dân chủ và xóa đói giảm nghèo, những người khác chỉ nhìn thấy sự bất bình đẳng và tình trạng trì trệ. Cộng đồng học thuật bị mắc kẹt ở giữa, không đưa ra được những đề xuất thay đổi mang tính xây dựng.

gây thiệt hại cho các trung tâm mua sắm, doanh nghiệp nhỏ, siêu thị và nhà thờ. Cảnh sát chống bạo động bị người biểu tình áp đảo, các cơ quan thực thi pháp luật không đủ khả năng kiểm chế sự cướp bóc. Ngay khi bắt đầu cuộc khủng hoảng, Tổng thống Sebastián Piñera thuộc phe chính trị trung hữu (center-right) đã ban bố tình trạng khẩn cấp cho phép quân đội lập lại trật tự và an ninh công cộng, nhưng ông đã rút lại lệnh này sau 7 ngày. Sau hàng chục đơn thư tố cáo cảnh sát và quân đội vi phạm nhân quyền trong giai đoạn nghiêm trọng nhất của cuộc khủng hoảng vào tháng 10 và tháng 11, Piñera tỏ ra thận trọng hơn trước phản ứng của dư luận trong nước và quốc tế về việc sử dụng vũ lực.

Sự tức giận mới

Mặc dù những sự kiện này khởi phát bằng việc học sinh trung học nhảy qua các cổng soát vé tràn vào ga tàu điện ngầm sau khi có thông báo giá vé người lớn tăng lên tương đương với 0,40 đô la Mỹ, có thể thấy rõ sự tham gia của học sinh sinh viên vào các phong trào này thiếu vắng vai trò tổ chức.

Điều này là bất thường, vì hai cuộc biểu tình lớn trên đường phố trước đây được khởi xướng và lãnh đạo bởi các tổ chức học sinh sinh viên. Năm 2006, học sinh phổ thông trung học đóng cửa các trường học ở Chile trong vài tháng để phản đối chất lượng giáo dục công lập và việc tư nhân hóa, phản đối định hướng thị trường ngày càng tăng của hệ thống giáo dục. Năm 2011, đến lượt sinh viên đại học xuống đường phản đối gánh nặng vay nợ cho học tập ngày càng tăng và bày tỏ những bất bình khác.

Tình hình bây giờ đã khác. Quy mô và cơn thịnh nộ của những cuộc bạo loạn là hoàn toàn bất ngờ và việc thiếu một căn nguyên rõ ràng, thống nhất là rất đáng lo ngại. Ba loại giả thuyết đã được các nhà phân tích chính trị và các nhà khoa học xã hội đưa ra. Thứ nhất, đây là một cuộc khủng hoảng của những kỳ vọng không được đáp ứng. Sau nhiều thập kỷ tăng trưởng cao và ổn định, nền kinh tế đã bị đình trệ và “lời hứa” về khả năng phát triển dưới chế độ tư bản tự do mới (neoliberal capitalism) không thành hiện thực. Tầng lớp đại chúng thu nhập trung bình thấp cảm thấy bị bỏ rơi. Thứ hai, sự bất bình đẳng ngày càng tăng về thu nhập, từ đó dẫn đến những bất bình đẳng về cơ hội tiếp cận các quyền lợi xã hội, từ giáo dục đến y tế và lương hưu. Sự giàu có của một số ít được cảm nhận như một cái tát vào mặt nhiều người. Giả thuyết cuối cùng, có một khoảng cách khó vượt qua giữa các thế hệ. Những người từng trải qua và chiến đấu dưới chế độ độc tài Pinochet, hiện đều ở độ tuổi trên 50, coi trọng nền dân chủ được xây dựng lại trong hơn 30 năm với tất cả những khiếm khuyết và sự chậm trễ của nó. Còn những người thuộc thế hệ sau, lớn lên trong một Chile dân chủ nhưng có mức thu nhập trung bình, không đồng cảm với hình thái xã hội hiện tại và nguồn gốc của nó, và họ mong muốn bắt đầu lại và thiết lập một tầm nhìn mới về xã hội. Hiến pháp năm 1980 thân thiện với doanh nghiệp do chế độ Pinochet ban hành (và được điều chỉnh nhiều lần từ khi đó) vẫn đang hiệu lực không phải là một bất bình mới, nhưng giờ đây người Chile đứng trước tình huống phải khẩn cấp tìm giải pháp thay thế cụ thể mang tính xây dựng, hơn là chỉ bày tỏ sự phẫn nộ của mình.

Các trường đại học bị nghi ngờ

Những trường đại học có cơ sở hạ tầng bị đốt cháy cũng bàng hoàng như những tổ chức khác. Các chính trị gia sinh viên và giới hàn lâm từng là lực lượng tiên phong đáng tin cậy của các phong trào xã hội ở châu Mỹ Latinh.

Trở thành sinh viên đại học và tri thức hóa các quan điểm của thế hệ mới từng là một đặc ân. Nhưng dường như một điều gì đó đã thay đổi, giáo dục đại học trở nên đại chúng hơn. Không còn là một không gian phản ánh xã hội, giáo dục đại học giờ đây dường như là nơi phô diễn của sự bất bình đẳng, quản lý yếu kém và những điều bất hợp lý. Khi các tổ chức trong xã hội bị điều tra, các trường đại học không tránh khỏi bị nghi ngờ.

Thật vậy, ở Chile, sinh viên đại học có cảm giác họ phản bội sự nghiệp lớn của đất nước nếu chỉ biết đi đến trường để suy nghĩ và tranh biện. Không, một đầu trường đúng nghĩa, hợp đạo lý để sinh viên nêu quan điểm của mình là đường phố, là nơi họ điều hành và hò hét cùng với dân chúng. Sau tháng mười sinh viên đã dừng đến lớp, và không thể biết chắc họ có trở lại trường vào tháng ba khi học kỳ mới bắt đầu hay không. Hơn nữa, sau hai lần bị hoãn do biểu tình bùng phát, kỳ thi tuyển sinh đại học quốc gia bằng hình thức viết tay đã bị học sinh trung học tẩy chay và phá hoại bằng cách đột nhập vào khu vực thi, cũng như phá hoại từ bên ngoài. Lần đầu tiên trong lịch sử, toàn bộ các câu hỏi và đáp án của đề thi bị rò rỉ qua phương tiện truyền thông xã hội trước kỳ thi khiến các nhà quản lý phải hủy kỳ thi vĩnh viễn.

Đây là thời điểm khó khăn và không chắc chắn đối với giáo dục đại học và giới trẻ Chile. Tuy nhiên, giữa sự hỗn loạn của đám đông nhiều nguồn gốc, chúng ta phải tự nhắc nhở mình rằng cộng đồng học thuật vẫn có khả năng thúc đẩy chủ nghĩa lý tưởng, sự tranh biện và suy ngẫm.

Phản đối của giới trẻ ở Lebanon

Ad Nam El Amine

Adnan El Amine là Giáo sư về giáo dục tại Đại học Lebanon, Lebanon, và là thành viên của Hiệp hội nghiên cứu giáo dục Lebanon (LAES) và Mạng thông tin giáo dục Ả Rập (Shamaa). E-mail: elamine.adnan@gmail.com.

Trong ba thập kỷ, từ 1990 đến 2019, sáu nhà lãnh đạo được bầu đã kiểm soát hệ thống kinh tế và chính trị của Lebanon. Nhiều người trong số họ từng là thủ lĩnh quân đội thời nội chiến (1975-1990), với quyền lực cho phép họ né tránh giải trình trách nhiệm. Có thể áp dụng lý thuyết trò chơi để hiểu được điều gì dẫn đến tình trạng này. Mỗi người chơi chính giả vờ rằng anh ta đang bảo vệ quyền lợi của cộng đồng đảng phái của mình thông qua chia sẻ quyền lực, với sự đe dọa ngầm rằng anh ta có thể huy động người của mình chống lại những người khác. Trên thực tế, chính những nhà lãnh đạo này đã từng thành lập các chính phủ dưới ngọn cờ "đoàn kết quốc gia" để hợp pháp hóa sự lãnh đạo chuyên quyền của họ trong mỗi cộng đồng.

Chia sẻ quyền lực" trong hệ thống chính trị Lebanon có nghĩa là các nhà lãnh đạo chấp nhận sự can thiệp chính trị của nhau vào tất cả các tổ chức công, ở tất cả các cấp chính quyền, từ lãnh đạo cấp cao xuống các quan chức cấp cơ sở, và trong tất cả các loại giao dịch công. Sự bảo trợ và tính chất bè phái này đã tạo điều kiện để tham nhũng lan tràn trên diện rộng, góp phần làm xói mòn liên tục tất cả dịch vụ công và dẫn đến một cuộc khủng hoảng kinh tế nghiêm trọng.

Những trường đại học có cơ sở hạ tầng bị đốt cháy cũng bàng hoàng như những tổ chức khác.

Biểu tình bùng nổ

Không ai có thể hình dung được rằng, vào ngày 16 tháng 10 năm 2019, các nhà lãnh đạo quyền lực này phải đối mặt với những tiếng hô vang "Tất cả nghĩa là tất cả. Biến đi!" Khẩu hiệu này đã cổ vũ những cuộc biểu tình lớn trên khắp đất nước, là một bước tiến mới trong lịch sử gần đây của đất nước này.

Cuối chiều thứ năm, ngày 17 tháng 10, Chính phủ quyết định áp loại thuế mới đối với các cuộc gọi qua Giao thức Internet (VoIP), như các cuộc gọi qua FaceTime, Facebook và WhatsApp. Chỉ trong vòng nửa giờ, đường phố đầy kín những người biểu tình. Đến 11 giờ tối cùng ngày, Thủ tướng đã tuyên bố hủy bỏ thuế này, nhưng các cuộc biểu tình vẫn tiếp tục trong nhiều tháng sau đó.

Với việc đánh thuế các cuộc gọi VoIP, Chính phủ dường như đang tấn công vào giới trẻ của đất nước. Các dịch vụ như WhatsApp là phương tiện liên lạc miễn phí, để trao đổi tin nhắn, hình ảnh, bài hát, tin tức, truyện cười, v.v... nơi đồng nghiệp vui chơi, giao lưu, hẹn hò, tổ chức các sự kiện xã hội và liên lạc với người thân của họ, vì mọi gia đình Lebanon đều có ít nhất một thành viên ở nước ngoài.

Những người đầu tiên xuống đường là những người bị rớt lại phía sau: những thanh niên bên lề xã hội, thất nghiệp và bỏ học. Nói cách khác, đó là những người mà, vào chiều ngày 17 tháng 10, lễ ra đang tùm năm tùm ba ngoài đường phố hoặc tại một quán cà phê bình dân. Một điều trở trêu là chính vị quan chức đề xuất đánh thuế, Bộ trưởng Bộ Truyền thông, lại là một trong những ông trùm của tầng lớp doanh nhân Lebanon và gần đây đã bị các phương tiện thông tin đại chúng cáo buộc tham gia vào các hoạt động tham nhũng cùng với một trong hai công ty viễn thông của đất nước này.

Xuống đường tiếp theo là giới trẻ thuộc những nền tảng xã hội khác - sinh viên đã tốt nghiệp và đang học đại học, nam và nữ, từ khắp đất nước. Ở Lebanon, thanh niên từ 15 đến 30 tuổi, không còn là trẻ con nhưng vẫn chưa lập gia đình, chiếm một phần đáng kể trong tổng dân số (30%). Ngoài sự phẫn nộ đối với toàn bộ hệ thống chính trị, tỷ lệ thất nghiệp trong số họ rất cao (17,3% vào năm 2018), khiến việc xuất ngoại trở thành lựa chọn duy nhất cho nhiều người hòng kiếm được việc làm khả dĩ. Thực tế này được phản ánh trong các khẩu hiệu của người biểu tình, như "Chúng tôi không muốn ước mơ nhận thị thực" và "Các người không thể buộc chúng tôi xuất ngoại." Hầu hết các nhà phân tích đều đồng ý rằng Lebanon chi rất nhiều tiền cho giáo dục (gần 13% GDP) và gửi nguồn vốn nhân lực được đào tạo của họ sang các quốc gia khác. Trong giai đoạn diễn ra các cuộc biểu tình, nhiều chuyến bay đã đưa thanh niên về nước chỉ để tham gia các cuộc tuần hành, và những thanh niên đang xa xứ cũng xuống đường ủng hộ ở nhiều thành phố trên thế giới. Trong số này, phụ nữ còn có thêm một lý do khác để bất bình: họ không được phép chuyển quốc tịch Lebanon cho con cái nếu kết hôn với những người đàn ông không phải là người Lebanon.

Những cuộc biểu tình của sinh viên

Điều kiện vật chất tồi tệ, tính cách nổi loạn, biết sử dụng các phương tiện truyền thông xã hội, sự năng động cùng các yếu tố khác, tạo thành động lực cho cuộc nổi dậy của giới trẻ vào ngày 17 tháng 10 ở Lebanon. Những thành phần dân số khác cũng đóng vai trò quan trọng trong cuộc nổi dậy, bao gồm

Tóm tắt

Vào ngày 17 tháng mười năm 2019, các cuộc biểu tình lớn đã nổ ra ở Lebanon, kêu gọi các nhà lãnh đạo chính trị của đất nước - những người đã thống trị đời sống chính trị trong ba thập kỷ, thông qua bảo trợ và tham nhũng - từ chức. Chương trình nghị sự của người biểu tình bao gồm các yêu sách về một chính phủ độc lập và một nhà nước dân sự. Giới trẻ chiếm phần lớn trong số người biểu tình, trong đó sinh viên đóng vai trò chủ chốt. Những sinh viên tham gia vào các cuộc biểu tình kêu gọi sự ủng hộ của khối đại học công lập và tham gia tích cực vào các nhóm thảo luận hàng ngày được tổ chức tại các địa điểm công cộng.

cả những người đàn ông và phụ nữ mang theo con cái của họ, các bác sĩ, luật sư và nhân viên của các trường đại học. Tất cả các thành phần tham gia đều có chung một tầm nhìn chính trị - lên án tầng lớp chính trị đương nhiệm và kêu gọi một chính phủ "độc lập" và một "nhà nước dân sự".

Sinh viên là nhóm nòng cốt trong giới trẻ. Sinh viên đại học và học sinh trung học bỏ học giữa buổi hoặc không đến lớp để tham gia vào các cuộc mít tinh lớn trên khắp đất nước. Họ tham gia vào cái được gọi là "trường học phản kháng": hàng chục lều bạt được dựng lên tại các địa điểm công cộng ở các thành phố chính, là nơi mà các vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa, pháp lý và giáo dục đại học được thảo luận hàng ngày giữa các sinh viên, giáo sư, nhà báo và các nhà hoạt động. Họ tuyên bố: "Ở đây chúng tôi học về quyền công dân bằng cách thực hành, không phải từ những lời dối trá được truyền trong sách giáo khoa", và "ở đây, chúng tôi học lịch sử thực sự, không phải thứ lịch sử của các nhà lãnh đạo tham nhũng."

Sinh viên biểu tình hát vang quốc ca, giương cao quốc kỳ và bày tỏ sự phẫn nộ tập thể đối với tầng lớp chính trị. Họ kêu gọi việc tuyển dụng dựa trên thành tích học tập, kêu gọi sự tự chủ của Đại học Lebanon khỏi những can thiệp chính trị và yêu cầu được trả học phí bằng đồng tiền của Lebanon - mà không phải bằng đô la Mỹ - trong các tổ chức giáo dục tư nhân. Điều quan trọng hơn là những hoạt động này được tổ chức thông qua các nhóm độc lập và đối lập với các ủy ban chính thức và các đoàn thể sinh viên vốn bị chi phối bởi các thành viên trẻ tuổi của các đảng chính trị cầm quyền. Một số hoạt động này diễn ra tại các trường đại học cụ thể, nhưng phần lớn được tổ chức xuyên suốt các trường đại học, chủ yếu là Đại học Hoa Kỳ Beirut, Đại học Saint-Joseph và Đại học Lebanon.

Phản công

Cuộc biểu tình của các bà mẹ đã diễn ra vào ngày 27 tháng 11 năm 2019, nhằm phản đối việc những thân binh trẻ của hai nhà lãnh đạo chính trị Hồi giáo xâm nhập vào khu vực người Kitô giáo vào tối hôm trước. Đối với các bà mẹ, những người đổ ra đường từ khu vực Hồi giáo và Kitô giáo, vụ việc này gợi nhớ đến cuộc nội chiến và họ muốn ngăn chặn sự quay trở lại của loại hình bạo lực giữa các giáo phái này.

Những nguy cơ về các cuộc xung đột "ngang" hoặc xung đột bè phái như thế này, xuất hiện mỗi khi những "kẻ ngoại lai" đột nhiên tấn công những người biểu tình ôn hòa, hay thậm chí tấn công lực lượng an ninh, những người hầu như lúc nào cũng giữ sự trung lập. Vụ việc ngày 26 tháng 11 là một trong những cách phô diễn trò chơi của giới lãnh đạo chính trị nhằm chuyển hướng sự phẫn nộ của giới trẻ hoặc gây áp lực cho nhau. Tuy nhiên, mặc dù các nhà lãnh đạo chính trị tiếp tục chơi trò chơi quen thuộc của họ, tất cả các dấu hiệu đều cho thấy hiện tại họ khó huy động được các cộng đồng giáo phái gây ra một xung đột bạo lực công khai.

Cuộc nổi dậy chưa đạt được những mục tiêu chính. Tuy nhiên, mọi thứ đã không còn giống như vào ngày 16 tháng 10. Một quá trình thay đổi xã hội đã bắt đầu từ ngày 17 tháng 10. Các cuộc biểu tình không cho phép bất kỳ người nào trong tầng lớp chính trị cầm quyền được bình an vô sự, dù được che chắn trong phe đảng của họ. Nhưng tương lai của toàn bộ hệ thống chính trị vẫn cần được viết lại.

Sinh viên đại học và học sinh trung học bỏ học giữa buổi hoặc không đến lớp để tham gia vào các cuộc mít tinh lớn trên khắp đất nước.

Vì sao sinh viên Ấn Độ giận dữ đến vậy?

ANONYMOUS

Tác giả là một Chuyên gia về giáo dục đại học ở New Delhi, Ấn Độ.

Các Trường Đại học và Cao đẳng Ấn Độ đã chứng kiến các cuộc biểu tình dữ dội trong những tháng gần đây, lan rộng khắp đất nước từ các thành phố lớn như Chennai, Delhi, Kolkata và Mumbai, đến nhiều thành phố nhỏ hơn. Sinh viên, giới trẻ và các học giả đã xuống đường với số lượng lớn chưa từng thấy. Ở nhiều nơi, các cuộc tuần hành và biểu tình biến thành bạo loạn khi cảnh sát sử dụng vũ lực để trấn áp người biểu tình. Nhiều tổ chức giáo dục phải tạm thời đóng cửa và các kỳ thi bị hoãn lại. Tại các thành phố như Aligarh, nơi có Đại học Hồi giáo Aligarh - một trong những trường đại học công lập lâu đời nhất ở nước này, các dịch vụ Internet đã bị gián đoạn trước khi các cuộc biểu tình nổ ra.

Sinh viên là những người khởi xướng các cuộc biểu tình và các vấn đề xã hội đã khuếch đại thông điệp của họ vượt ra ngoài khuôn viên các trường đại học. Địa điểm khởi nguồn cuộc biểu tình gần đây thu hút sự chú ý của quốc gia và quốc tế là Đại học Jawaharlal Nehru (JNU) ở New Delhi. Nhưng sinh viên của những trường đại học vốn được coi là ôn hòa và thờ ơ với chính trị, như Viện Công nghệ Ấn Độ (IIT) Bombay, IIT Madras hoặc Viện Khoa học Ấn Độ ở Bangalore, cũng tổ chức các cuộc mít tinh và tuần hành ủng hộ những yêu cầu do sinh viên của JNU và các cơ sở khác đưa ra. Có lẽ đây là lần đầu tiên một số lượng sinh viên lớn như vậy từ các trường này tham gia biểu tình phản đối nhà nước.

Những thách thức phức tạp

Ở mức độ lớn, những cuộc biểu tình này xuất phát từ sự bất mãn của sinh viên Ấn Độ trước nhiều vấn đề phức tạp trong những năm gần đây. Chúng chỉ là phần nổi của tảng băng chìm là tình trạng khủng hoảng sâu sắc hơn mà xã hội Ấn Độ và các tổ chức giáo dục đã trải qua, và là giai đoạn tối tệ nhất kể từ khi quốc gia này giành độc lập.

Vào tháng 12 năm 2019, lực lượng cảnh sát Delhi, thuộc quyền kiểm soát của chính phủ trung ương của thủ tướng Modi, đã đánh đập những sinh viên biểu tình tại Đại học Jamia Millia Islamia (JMI), một tổ chức giáo dục công lập ở Delhi. Những sinh viên này phản đối Đạo luật sửa đổi quyền công dân gây tranh cãi của chính phủ. Đạo luật này đề xuất trao quyền công dân cho những người nhập cư thuộc các cộng đồng Kitô giáo, Phật giáo, Ấn Độ giáo, Jain, Parsi và Sikh từ các nước Afghanistan, Bangladesh và Pakistan, nhưng không bao gồm người Hồi giáo. Đó là một sự vi phạm rõ ràng quyền bình đẳng được quy định trong hiến pháp Ấn Độ và các nền tảng thể tục của đất nước.

Sự kiện này kéo theo một chuỗi bạo lực do những kẻ giấu mặt gây ra, được cho là có liên quan đến tổ chức sinh viên liên kết với Đảng Bharatiya Janata cầm quyền (BJP) tại JNU. Trang bị bằng gậy gộc, đám đông tấn công sinh viên và giảng viên vào tháng giêng năm 2020. Những hành động của lãnh đạo JNU và cảnh sát sau cuộc tấn công này đã châm ngòi cho sự phản đối và những cuộc biểu tình mạnh mẽ trên toàn quốc.

Tóm tắt

Gần đây, một làn sóng phản kháng của sinh viên lan rộng khắp các cơ sở giáo dục tại Ấn Độ, khi tư tưởng tự do của các trường đại học đụng độ với những ưu tiên của chính phủ Modi, với chương trình nghị sự theo đa số và tân tự do. Phản ứng của chính phủ đối với tình trạng bất ổn đại học đã gây ra những quan ngại nghiêm trọng.

Những sự kiện này tại JNU có thể được xem là ví dụ về sự mâu thuẫn giữa truyền thống định hướng tự do của các trường đại học và những thay đổi nhanh chóng đang diễn ra dưới thời chính quyền Modi theo hướng dân tộc chủ nghĩa Ấn Độ giáo.

Những sự kiện này tại JNU có thể được xem là ví dụ về sự mâu thuẫn giữa truyền thống định hướng tự do của các trường đại học và những thay đổi nhanh chóng đang diễn ra dưới thời chính quyền Modi theo hướng dân tộc chủ nghĩa Ấn Độ giáo. Cho đến nay những hoạt động chính trị của sinh viên tại JNU được biết đến chủ yếu nhờ sự định hướng của họ đối với chính trị quốc gia và quốc tế. Tuy nhiên, những sự kiện kích động đang diễn ra là hệ quả của quyết định hành chính về việc tăng học phí và đặt ra thêm các khoản phí mới, khiến sinh viên có hoàn cảnh khó khăn sẽ càng khó tiếp cận giáo dục đại học. Sinh viên cũng phản đối những quy định mới của ký túc xá bao gồm quy định về trang phục và áp dụng thời gian giới nghiêm.

Sự thâm nhập của chủ nghĩa đa số cực đoan (Intolerant Majoritarianism)

Để hiểu được những diễn biến bạo lực toàn quốc này, ta cần xem xét một số vấn đề liên quan đến sự phát triển và ảnh hưởng của chính trị cánh hữu trong sáu năm qua. Trong nhiệm kỳ đầu tiên của Thủ tướng Modi (2014-2019), chính phủ đã can thiệp vào các tổ chức học thuật nổi tiếng như Viện Điện ảnh và Truyền hình Ấn Độ (FTII), tại đó, vào năm 2015, sinh viên đã đình công vô thời hạn sau khi chính phủ chỉ định diễn viên truyền hình Gajendra Chauhan, sau trở thành chính trị gia - làm chủ tịch của Viện. Vào năm 2016, chủ tịch Hội sinh viên JNU bị bắt và bị buộc tội xúi giục nổi loạn; sự việc này là từ động cơ chính trị. Cùng năm, vụ tự sát của Rohith Vemula, một học giả nghiên cứu tại Đại học Hyderabad, đã châm ngòi cho các cuộc biểu tình ở thành phố này và các khu vực khác của đất nước. Vemula tự sát do bị phân biệt đẳng cấp trong trường, và có những cáo buộc rằng các quan chức đại học bị ép buộc hành động chống lại sinh viên, bao gồm cả ông Vemula.

Cũng trong thời gian này, các nhà trí thức, học giả và nhà báo nổi tiếng (như Narendra Dabholkar, Govind Pansare, M.M. Kalburgi và Gauri Lankesh) đã bị sát hại bởi những kẻ khủng bố cánh hữu ở Maharashtra và Karnataka. Quyết định của chính phủ áp đặt Quy tắc Dịch vụ Dân sự Trung ương (Ứng xử) đối với giảng viên tại các trường đại học trung ương đã bị chỉ trích gay gắt. Những quy tắc này hạn chế tự do học thuật, khuyến khích việc biên soạn lịch sử phục vụ mục đích chính trị và những tuyên bố Sô vanh chủ nghĩa về những đóng góp khoa học và công nghệ của Ấn Độ cổ đại, và làm giảm uy tín của các tổ chức thống kê quốc gia.

Sự trở lại của Modi trong vai trò thủ tướng nhờ có sự ủng hộ của đa số áp đảo vào năm 2019 đã tiếp thêm sức mạnh cho các thành phần cánh hữu trong nền chính trị và xã hội Ấn Độ. Chính sách của nhiều quan chức đại học hàng đầu, phần lớn được bổ nhiệm bằng những quyết định chính trị, đều xuất phát từ tư tưởng chính trị này. Do đó, nhiều tổ chức giáo dục, đặc biệt là các tổ chức dưới sự quản lý của chính phủ trung ương và các tổ chức công thuộc các bang do BJP cai trị (như Uttar Pradesh) khét tiếng trong việc đàn áp bất đồng chính kiến, dẫn đến tình trạng khẩn cấp không chính thức ở nhiều trường đại học và thành phố.

Vào tháng 12 năm 2019, có thông tin rằng Viện Khoa học Xã hội Tata, một tổ chức đại học công lập nổi tiếng ở Mumbai, đã ban hành một chỉ thị cấm sinh viên và giảng viên tham gia "bất kỳ hình thức phản kháng nào" trong thời gian làm việc. Tương tự, Trường phòng Công tác sinh viên tại IIT

Bombay gần đây đã khuyến cáo sinh viên không tham gia vào các cuộc biểu tình chống chính phủ. Các trường đại học khác ở Ấn Độ cũng ban hành các chính sách hạn chế. Vi phạm tự do học thuật đã trở thành phổ biến.

Cấm đoán bất đồng chính kiến trong thời đại chủ nghĩa tân tự do

Những chính sách ủng hộ chủ nghĩa độc tài tôn giáo của chính phủ, kết hợp với việc thực hiện chương trình nghị sự kinh tế tân tự do, là gốc rễ của cuộc khủng hoảng đang diễn ra. Không giống những phong trào sinh viên trong quá khứ, chủ yếu tập trung vào các vấn đề của sinh viên và do sinh viên lãnh đạo, những cuộc biểu tình hiện nay tập trung vào những vấn đề quốc gia rộng lớn hơn liên quan đến sự tồn tại của các thể chế dân chủ và giá trị hiến pháp.

Hầu hết các trường viện nghiên cứu công lập bị ảnh hưởng bởi sự thiếu hụt nguồn lực. Một ví dụ điển hình là nhân viên của các tổ chức uy tín, chẳng hạn như Viện nghiên cứu cơ bản Tata, không được nhận đủ lương trong năm 2019. Ngoài ra, trong nỗ lực buộc họ tự chủ hơn, chính phủ đã thúc ép các trường viện công lập phải đa dạng hóa thu nhập; quyết định của lãnh đạo JNU về việc tăng học phí và đặt ra các khoản phí mới đối với sinh viên là một ví dụ. Tác động còn sâu sắc hơn bởi tình trạng suy thoái tồi tệ nhất mà nền kinh tế Ấn Độ phải đối mặt trong những thập kỷ gần đây, cùng với tỷ lệ thất nghiệp gia tăng.

Sinh viên và giảng viên bị ảnh hưởng nhiều nhất bởi các chính sách này, đặc biệt là việc cắt giảm ngân sách và những chính sách hạn chế hoạt động các tổ chức khoa học và các trường đại học công. Những diễn biến này đang dẫn đến một cuộc đàn áp bất đồng chính kiến trong các tổ chức giáo dục đại học và tăng sự kiểm soát của nhà nước thông qua các phương tiện khác nhau. Phản ứng của các quan chức chính phủ và quan chức trường đại học là một nguyên nhân gây ra mối quan ngại nghiêm trọng. Thứ đang bị đe dọa không chỉ là sự tồn tại của hệ thống giáo dục đại học công lập ở Ấn Độ, mà còn là quan niệm rằng các tổ chức giáo dục là không gian nuôi dưỡng sự sáng tạo và tư duy phản biện.

Hồng Kông: các trường đại học trong khủng hoảng và hồi phục

Gerard A. Postiglione

Gerard A. Postiglione là Giáo sư danh dự và là Điều phối viên của Hiệp hội nghiên cứu giáo dục đại học ở châu Á, Đại học Hồng Kông, Trung Quốc. E-mail: gerry.hku@gmail.

Các trường đại học đóng vai trò quan trọng trong các phong trào xã hội trên thế giới. Một số trở thành pháo đài của sự cải cách. Một số dẫn đầu các cuộc nổi dậy. Số khác bị lôi kéo vào những cuộc bạo loạn tàn phá chính những thành phố nơi trường tọa lạc. Một số thành phố và các trường đại học tại đó có thể phục hồi và trở nên mạnh mẽ hơn; số khác mất đi sức sống. Những cuộc phản kháng đầu tiên là cuộc nổi dậy ở Đại học Paris năm 1229 (không tính đến tình trạng bất ổn đầy kịch tính gần đây vào tháng 5

năm 1968) và Phong trào Bắc Kinh ngày 4 tháng 5 năm 1919 do Đại học Bắc Kinh và các trường đại học khác dẫn đầu. Phong trào Tự do Ngôn luận của Đại học California ở Berkeley năm 1964 đã ảnh hưởng đến San Francisco ở gần đó, còn phong trào Chiếm phố Wall ở thành phố New York đã lôi kéo Đại học New York tham gia. Những trường đại học và những thành phố tiên phong này vẫn giữ được vị thế nổi bật của họ trên toàn cầu. Tham gia vào phong trào phản kháng ở Hồng Kông năm 2019 có tám trường đại học được xếp hạng toàn cầu, ba trong số đó thuộc top 100. Liệu Hồng Kông và các trường đại học ở đó có thể phục hồi được không?

Đối đầu

Năm 1997, Hồng Kông được trả lại cho Trung Quốc sau 155 năm là thuộc địa của Anh và trở thành Đặc khu hành chính (SAR) của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa theo thể chế "một quốc gia, hai chế độ" có tính tự trị cao trong 50 năm cho đến năm 2047. Đặc khu hành chính Hồng Kông có hiến pháp riêng, bao gồm cả tự do ngôn luận và hội họp. Các trường đại học ở đó có quyền tự chủ và tự do học thuật cao hơn so với các nước láng giềng.

Căng thẳng trở thành đỉnh điểm vào ngày 29 tháng 3 năm 2019, khi đặc khu trưởng Hồng Kông công bố dự luật cho phép dẫn độ một người từ Hồng Kông sang lục địa Trung Quốc để xét xử. Điều này đã khiến một triệu trong số bảy triệu người Hồng Kông xuống đường biểu tình ôn hòa. Khi đặc khu trưởng từ chối rút lại dự luật, hai triệu người đã tham gia biểu tình ôn hòa vào ngày 17 tháng 6. Chính phủ vẫn tỏ ra cứng rắn và sự tức giận càng sục sôi. Những cuộc biểu tình bạo lực, phá hoại và đụng độ với cảnh sát đã nhấn chìm thành phố. Cuối cùng, vào ngày 23 tháng 10, dự luật đã được rút lại. Khi đó, phong trào phản kháng đã đạt đến mức độ cao nhất, đi kèm những yêu cầu: đặc khu trưởng từ chức, một ủy ban độc lập điều tra về sự tàn bạo của cảnh sát, hủy bỏ việc coi người biểu tình là người nổi loạn, ân xá cho những người biểu tình bị bắt giữ, và quyền bầu cử phổ thông để bầu đặc khu trưởng và quyền lập pháp đầy đủ.

Một trong những thành phố an toàn nhất trên thế giới để học tập đã cận kề sự sụp đổ. Hầu hết những người biểu tình đều dưới 30 tuổi và lo lắng cho tương lai của Hồng Kông sau năm 2047. Phong trào không chỉ định người lãnh đạo và dựa hoàn toàn vào phương tiện truyền thông xã hội. Người biểu tình chia thành các nhóm 10 hoặc 20 người, họ chặn các đường cao tốc, đóng cửa những nhà ga trung chuyển lớn, khu vực làm thủ tục tại sân bay và các trường đại học. Họ phá hàng trăm chi nhánh ngân hàng, nhà hàng, siêu thị, cửa hàng và doanh nghiệp thuộc sở hữu của những người ủng hộ chính phủ. Mặc dù Hồng Kông có một triệu người sống dưới mức nghèo khổ, nhưng không xảy ra cướp bóc. Mọi người đều thể hiện sự kiên nhẫn trước những xáo trộn và các nhân viên văn phòng cũng tham gia biểu tình vào giờ nghỉ trưa. Một số người chỉ trích việc phá hoại và tuần hành ủng hộ cảnh sát.

Các khuôn viên trường đại học trở thành nơi đối đầu bạo lực. Trong một học xá, cảnh sát mặc áo giáp bắn 1500 viên hơi cay và 1200 viên đạn cao su vào những người biểu tình là sinh viên và không phải là sinh viên. Ở một trường khác, hàng ngàn quả bom xăng đã bị thu hồi trước khi được sử dụng chống lại cảnh sát. Khi các trường đại học biến thành chiến trường, chín vị

Tóm tắt

Các trường đại học trở thành trung tâm của phong trào phản kháng ở Hồng Kông, còn Hồng Kông trở thành tuyến đầu trong cuộc chiến thương mại Mỹ-Trung. Cũng như những thành phố khác trên thế giới có các trường đại học hàng đầu - Hồng Kông có lý do để hy vọng rằng các trường đại học của họ sẽ hoàn toàn phục hồi

Hiệu trưởng đã đưa ra tuyên bố kêu gọi chính phủ giải quyết bế tắc chính trị, trong đó nêu rõ: "...Yêu cầu các trường đại học tự giải quyết vấn đề là hoàn toàn phi thực tế. Tinh huống phức tạp và nhiều thách thức này không bắt nguồn từ các trường đại học, cũng không thể giải quyết bằng các quy định của trường". Các khóa học đều bị gián đoạn.

Tình trạng hỗn loạn tiếp diễn trong gần sáu tháng, cho đến cuộc bầu cử hội đồng quận vào ngày 24 tháng mười một. Hơn 70% cử tri đã đi bỏ phiếu trong cuộc bầu cử long trời lở đất của lịch sử Hồng Kông. Các đảng ủng hộ dân chủ đã giành được gần 90% trong tổng số 452 ghế. Chính phủ vẫn chưa giải quyết các yêu cầu còn lại của người biểu tình.

Những triển vọng nào cho tương lai?

Mô hình "một quốc gia, hai chế độ" là một ý tưởng đột phá, nhưng tương lai phụ thuộc vào việc mô hình này có thể đồng thời làm hài lòng cả người dân Hồng Kông lẫn phần còn lại của đất nước hay không. Chính phủ trung ương cho rằng dân chủ mà không có hàng rào bảo vệ vững chắc là mối đe dọa đối với sự ổn định. Kể từ năm 1978, hơn 5 triệu người Trung Quốc đã học tập trong các nền dân chủ ở phương Tây. Trong khoảng thời gian đó, Trung Quốc có 800 triệu dân thoát nghèo. Giới lãnh đạo đặt 7 triệu người Hồng Kông lên bàn cân so với 1,4 tỷ người ở Đại lục và kết luận rằng lợi ích lớn hơn nghĩa là kiểm soát chặt hơn.

Mặc dù không phải lúc nào cũng có bức tranh đầy đủ và chính xác về quan điểm của công dân Hồng Kông, chính phủ Bắc Kinh nhận thức được sự bất mãn của sinh viên trong các trường đại học. Nguyên nhân dẫn đến sự không hài lòng đó được cho là thiếu chương trình giáo dục quốc gia cũng như giá nhà ở quá cao trong một xã hội nhiều bất bình đẳng. Họ chỉ trích các ông trùm bất động sản ở Hồng Kông đã đặt sự thịnh vượng của mình cao hơn lợi ích chung. Họ tin rằng Sáng kiến Khu vực Vịnh Lớn nhằm kết nối kinh tế và tài năng đại học của Hồng Kông gần hơn với vùng Nam Trung Quốc, sẽ thu hút giới trẻ Hồng Kông tham gia vào sự phát triển của quốc gia. (Đa số sinh viên không thể hiện sự quan tâm đến sáng kiến này hoặc đến những nỗ lực triển khai chương trình giáo dục quốc gia).

Việc cai quản Hồng Kông đã trở nên phức tạp hơn đối với nền kinh tế lớn thứ hai thế giới, đặc biệt là trong lúc đang diễn ra cuộc chiến thương mại với Hoa Kỳ. Chính phủ Trung quốc khẳng định rằng một số "thể lực nước ngoài" đang hỗ trợ phong trào phản kháng. Một số sinh viên biểu tình mang theo cờ Mỹ đi tuần hành, và vào ngày 15 tháng mười năm 2019, Quốc hội Hoa Kỳ ban hành Đạo luật Dân chủ và Nhân quyền Hồng Kông.

Tuy nhiên, có một số lý do để hy vọng rằng các trường đại học Hồng Kông vẫn còn khả năng phục hồi. Không có dấu hiệu nào cho thấy chính phủ sẽ hạn chế quyền tự do nghiên cứu, viết bài, và giảng dạy của các nhà khoa học, học giả, và giảng viên các trường đại học ở Hồng Kông. Nếu bị tước mất tự do học thuật, giới học giả sẽ chống đối và thứ hạng toàn cầu của các trường đại học sẽ nhanh chóng rớt xuống. Lãnh đạo cấp cao của các trường đại học đã đưa ra cam kết đối thoại với sinh viên. Luật pháp đảm bảo cho các trường đại học mức độ tự chủ cao về thể chế và tự do học thuật. Các trường đại học ở Hồng Kông có truyền thống thu hút được sinh viên, các nhà khoa học và học giả tài

năng từ khắp nơi trên thế giới. Chính phủ trung ương nhận thức sâu sắc tính chất đặc biệt của Hồng Kông và các trường đại học ở đó - vươn ra toàn cầu và kết nối quốc tế. Họ sẽ không muốn đóng cánh cửa đó lại vì chính họ đang cố gắng mở rộng cánh cửa của mình bằng Sáng kiến Vành đai và Con đường.

Hồng Kông và các trường đại học từng phục hồi sau cuộc nổi dậy năm 1967, khiến cho 51 người chết và hàng trăm người bị thương. Các trường đại học của thành phố New York cũng phục hồi sau những cuộc biểu tình phản chiến nhấn chìm thành phố năm 1968. Nên các trường đại học Hồng Kông có thể lạc quan đi theo con đường tương tự để chữa lành và hồi phục.

Các trường đại học Catalonia trong khủng hoảng chính trị vì độc lập

Josep M. Duart, Albert Sánchez-Gelabert và Josep M. Vilalta

Josep M. Duart là Giáo sư chính thức tại Trường Đại học Mở Catalonia. E-mail: jduart@uoc.edu. Albert Sánchez-Gelabert là Giảng viên về Xã hội học tại Trường Đại học tự trị Barcelona. E-mail: albert.sanchez@uab.cat. Josep M. Vilalta là Thư ký điều hành của Hiệp hội các trường đại học công lập Catalonia và là Giám đốc Mạng lưới đổi mới đại học toàn cầu. E-mail: jmvilalta@acup.cat.

Các sự kiện chính trị ở Catalonia, đặc biệt là những gì xảy ra trong giai đoạn giữa 2015 và 2019, cũng tác động đến các trường đại học bởi vì nhiều sinh viên và giảng viên tham gia vào các cuộc biểu tình và các trường đại học phải có những phản ứng ở cấp độ tổ chức trước những diễn biến không ngừng này. Những hành động đầu tiên châm ngòi cho các cuộc vận động này xảy ra trước cuộc trưng cầu dân ý – do chính quyền Catalonia thúc đẩy và hỗ trợ - về quyền tự quyết vào ngày 1 tháng 10 năm 2017, đáp trả việc cảnh sát điều tra và bắt bớ nhằm phá hoại cuộc bầu cử. Cuộc trưng cầu dân ý đã mở ra một thời kỳ đàn áp, bắt đầu bằng các biện pháp của cảnh sát trong ngày trưng cầu dân ý và việc bắt giữ, tổng giam các nhà hoạt động ủng hộ độc lập và các lãnh đạo chính quyền Catalonia, những người sau này bị đưa ra xét xử theo quy trình tư pháp (một nhóm lãnh đạo khác, bao gồm cả tổng thống, đã chọn cách xin tị nạn ở Bỉ, Scotland và Thụy Sĩ). Tình trạng bất ổn lên đến đỉnh điểm hai năm sau đó, khi tòa án tối cao Tây Ban Nha công bố bản án vào ngày 14 tháng 10 năm 2019, phán quyết đa số bị cáo phạm tội xúi giục nổi loạn và bị kết án từ 9 đến 13 năm tù. Phán quyết này đã châm ngòi cho một làn sóng tổng động viên mới, trong đó có sự tham gia của các trường đại học Catalonia và một số sinh viên của họ.

Sự tham gia của đại học

Catalonia tự hào có một số trường đại học được xếp hạng cao nhất về mặt học thuật ở khu vực Nam Âu. Hệ thống đại học Catalonia, bao gồm khoảng 240 ngàn sinh viên và hơn 18 ngàn giảng viên, đã tham gia vào các phong trào hoạt động và phản kháng ngay từ đầu, cả ở cấp độ tổ chức và thông qua

Tóm tắt

Bài viết này phân tích tác động của các cuộc biểu tình ủng hộ độc lập ở Catalonia (2017-2019) đối với sinh viên và các trường đại học Catalonia. Những cuộc biểu tình này không ảnh hưởng nhiều đến hệ thống đại học Catalonia. Số lượng lớn sinh viên đã tham gia biểu tình. Một số trường đại học cho phép sinh viên hoàn thành các khóa học bằng bài thi cuối khóa vì họ đã bỏ lỡ một số buổi học.

sinh viên và giảng viên. Tháng 10 năm 2012, Hiệp hội các trường đại học công lập Catalonia (ACUP)- do tám trường đại học công lập ở Catalonia thành lập và đại diện cho 87,5% sinh viên đại học trong khu vực- đã công bố ý định tham gia Hiệp ước Quốc gia về Quyền Tự quyết, và điều này được nhắc lại trong cuộc thảo luận rộng rãi được tổ chức vào ngày 9 tháng 10 một năm 2014. Đến mừng 3 tháng 10 năm 2017, hai ngày sau cuộc trưng cầu dân ý, các trường đại học đã tham gia vào cuộc tổng đình công rất thành công do các công đoàn lớn ở Catalonia kêu gọi cùng với sự hỗ trợ của các hiệp hội sinh viên đại học. Hai năm sau đó, khi tòa án tối cao thông qua phán quyết, ACUP đã ban hành một tuyên bố do tất cả các hiệu trưởng trường đại học ký, trong đó khẳng định lại các quan điểm đã được bày tỏ ngày 24 tháng 3 năm 2018, kể cả “cảm giác kinh hoàng sâu sắc trước sự việc một số lãnh đạo và nhân vật chính trị Catalonia bị bắt giam”, “sự phẫn nộ trước tình hình ở Catalonia” và “mối lo ngại cho sự an toàn của những người bị ảnh hưởng bởi phán quyết”. Tuyên bố do ACUP đưa ra đã kêu gọi “tất cả các đảng phái chính trị liên quan tập trung mọi nỗ lực nhằm tìm giải pháp cho cuộc xung đột chính trị hiện tại; một giải pháp được đa số xã hội Catalonia đồng ý và cần được triển khai nhanh nhất có thể”. Như vậy, các trường đại học Catalonia đã đưa ra lập trường ủng hộ quyền con người và cá nhân, phù hợp với bản sắc đa diện của trường đại học và tận dụng uy thế đạo đức và học thuật của trường, thay vì uy thế chính trị.

Sự tham gia của sinh viên

Bất chấp quan điểm ở cấp độ tổ chức, sau khi bản án có tội được thông qua vào ngày 14 tháng 10 năm 2019, các trường đại học vẫn nhiều lần lâm vào tình trạng đối đầu với sinh viên. Sau khi có phán quyết, các sinh viên đã kêu gọi đình công 72 tiếng, điều này dẫn đến một giai đoạn phản kháng, bắt đầu bằng cuộc biểu tình chiếm giữ hàng loạt vị trí ở sân bay Barcelona - El Prat Josep Tarradellas do Tsunami Democràtic tổ chức. Cuộc biểu tình này đã dọn đường cho làn sóng những sự kiện phản kháng, bao gồm các cuộc biểu tình trên đường phố Barcelona, một cuộc tổng đình công được tổ chức vào ngày 18 tháng mười năm 2019, một tuyến phòng thủ ở biên giới Catalonia với Pháp và một cuộc biểu tình cắm trại do các sinh viên Plaça Universitat của Barcelona khởi xướng.

Sinh viên đại học và giới trẻ của Catalonia đóng vai trò tiên phong trong các cuộc biểu tình này và tích cực tham gia vào các cuộc tuần hành do các tổ chức khác nhau kêu gọi thông qua phương tiện truyền thông xã hội. Một số hội đồng và hiệp hội sinh viên đã gây áp lực đối với lãnh đạo và trưởng khoa của trường đại học đòi giảm bớt các bài kiểm tra, bài thi trong giai đoạn phản kháng này và phản đối các hình thức kỷ luật, để những sinh viên tham gia biểu tình không bị trừng phạt. Đáp lại những yêu cầu này, nhiều trường đại học và trung tâm đại học thừa nhận tính ngoại lệ của tình thế và đã phê duyệt những biện pháp để giảm bớt gánh nặng bài vở cho sinh viên trong học kỳ đầu tiên của năm học 2019-2020. Tuy nhiên, chỉ khoảng 2000 sinh viên đã chọn thực hiện theo các biện pháp này. Chẳng hạn, tại Đại học Tự trị Barcelona, chỉ có 1300 trong số 26 ngàn sinh viên đã làm bài thi duy nhất vào cuối học kỳ. Ở những trường đại học khác những biện pháp ngoại lệ này thậm chí còn ít tác động hơn.

Ban Thư ký về đại học và nghiên cứu của chính quyền Catalonia đã đưa ra một vài tuyên bố công khai vào ngày 31 tháng 10 năm 2019, trong đó bày tỏ quan điểm rằng "tình hình chính trị mới là ngoại lệ, không phải các cuộc biểu tình" do sinh viên tổ chức, đó là một phần tự nhiên của bất kỳ quá trình vận động tự nhiên nào. Họ cũng kêu gọi Hiệu trưởng các trường đại học đảm bảo duy trì chất lượng và sự nghiêm túc trong học tập. Các cuộc biểu tình vẫn tiếp tục suốt tháng mười, ít nhiều tác động đến từng trường đại học.

Tác động đến hệ thống đại học

Từ năm 2015 đến 2019, cộng đồng đại học chọn lập trường hoặc ủng hộ hoặc chống lại quá trình tự quyết của Catalonia. Tuy nhiên, ngoại trừ hai giai đoạn quan trọng nêu trên (giai đoạn trước và sau cuộc trưng cầu dân ý ngày 1 tháng 10 năm 2017 và nửa cuối tháng 10 năm 2019 sau phán quyết của tòa án tối cao), các trường đại học Catalonia chưa bao giờ ngừng cung cấp các dịch vụ học thuật thông thường.

Nói chung, các trường đại học Catalonia tiếp nhận một số lượng sinh viên quốc tế đáng kể, cả từ châu Âu và từ các nước khác. Chẳng hạn, họ đã tiếp nhận tổng cộng 12544 sinh viên nước ngoài trong năm học 2017-2018. Cho đến nay, không có bằng chứng nào về sự sụt giảm số lượng sinh viên quốc tế hoặc tổng số sinh viên theo học tại các trường đại học Catalonia. Điều này cũng đúng với số lượng đại hội và hội nghị được tổ chức tại Catalonia và với hiệu quả nghiên cứu qua số liệu tham gia vào các dự án nghiên cứu cạnh tranh và các công bố học thuật. Do đó, chúng tôi không thể xác nhận hay phản đối ý kiến cho rằng tiến trình chính trị tác động đến hệ thống đại học Catalonia. Tuy nhiên, chúng tôi có thể xác nhận rằng từ phía trường lẫn từ phía sinh viên và giảng viên, đã có sự hỗ trợ rõ ràng đối với quyền cá nhân và tập thể, cũng chính là điều mà ta mong đợi từ các tổ chức học thuật. Để hiểu là mức độ tham gia của sinh viên và giảng viên là khác nhau. Trước tình hình chính trị phức tạp, các trường đại học ở Catalonia đã nỗ lực khẳng định quyền lực học thuật và đạo đức của mình, khuyến khích tư tưởng tự do và tận dụng vị thế của mình để thúc đẩy cam kết đàm phán như một phương tiện tốt nhất để tìm giải pháp cho cuộc xung đột ở Catalonia.

Cân nhắc về sự phù hợp của các phân hiệu đại học quốc tế

Philip G. Altbach và Hans de Wit

Philip G. Altbach là Giáo sư nghiên cứu, Giám đốc sáng lập, và Hans de Wit là Giáo sư, Giám đốc Trung tâm Giáo dục Đại học Quốc tế, Boston College, Hoa Kỳ. Email: altbach@bc.edu và dewitj@bc.edu.

Sau gần nửa thế kỷ, các phân hiệu đại học quốc tế (International Branch Campus - IBC) hiện là một phần nhỏ nhưng đã được hình thành trong bối cảnh giáo dục đại học toàn cầu. Một số cơ sở cho rằng họ có tương lai

Các trường đại học ở Catalonia đã nỗ lực khẳng định quyền lực học thuật và đạo đức của mình.

Tóm tắt

Các phân hiệu đại học quốc tế là một phân khúc nhỏ nhưng phù hợp trong môi trường giáo dục đại học, nhưng điều đáng ngạc nhiên là các cơ sở này được chú trọng nghiên cứu nhiều hơn so với các dự án giáo dục xuyên biên giới khác - ít thu hút hơn nhưng tác động lớn hơn và nhiều rủi ro hơn. Trong môi trường toàn cầu hiện nay, có lý do để lo lắng về tương lai của các phân hiệu đại học quốc tế.

tươi sáng và có thể đóng vai trò quan trọng (xem bài viết "Các phân hiệu có thể tạo thêm cơ hội tiếp cận giáo dục đại học" trong World University News, 14 tháng mười hai năm 2019). Chúng tôi khá hoài nghi về điều này, và cho rằng các IBC đang, và sẽ tiếp tục là một phần nhỏ của mảng (giáo dục) sau trung học - và nhiều IBC trong số đó không bền vững.

Năm 2017, có 263 IBC ở 77 nước, tăng hơn gấp đôi sau chưa đầy hai thập kỷ. Trung Quốc đã vượt qua Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất để trở thành quốc gia có nhiều IBC nhất. Hoa Kỳ, Úc và Vương quốc Anh là những nước tài trợ nhiều nhất cho các IBC, thêm vào đó Nga và Pháp cũng đóng vai trò quan trọng. Có lẽ có tới 225 ngàn sinh viên học tại các IBC trên toàn thế giới. Con số này là 1% của hơn 20 ngàn trường đại học trên thế giới, là 5% du học sinh toàn cầu và 0,1% tổng số sinh viên. IBC là một phân khúc nhỏ nhưng phù hợp trong môi trường giáo dục đại học, nhưng điều đáng ngạc nhiên là các cơ sở này được chú trọng nghiên cứu nhiều hơn so với các dự án giáo dục xuyên biên giới khác, như nhượng quyền kinh doanh, chương trình liên thông đại học, và các dự án khác - ít thu hút hơn nhưng tác động lớn hơn và nhiều rủi ro hơn.

Tính bất ổn của IBC

Sự sống còn của các phân hiệu quốc tế phụ thuộc vào một số lực lượng tiềm ẩn bất ổn. Nước chủ nhà có quyền kiểm soát chính đối với các phân hiệu trong lãnh thổ của họ - và những thay đổi trong hoàn cảnh kinh tế chính trị, hay thay đổi trong chính sách, quyết định của các cơ quan giáo dục đại học bao gồm cả cơ quan đảm bảo chất lượng, làm thay đổi sự quan tâm hoặc thị trường sinh viên đều có thể ảnh hưởng đến IBC một cách nhanh chóng. Mục tiêu tuyển sinh không đạt có thể gây ra vấn đề ngay. Trường hợp của Nhật Bản trong những năm 1980 là một ví dụ. Hơn 21 phân hiệu, phần lớn của các trường đại học ít danh tiếng ở Mỹ, được thành lập tại Nhật Bản, theo lời mời chủ yếu từ chính quyền tỉnh và thành phố. Các cơ sở này nhanh chóng gặp vấn đề về quy định với chính quyền Nhật Bản và vì lý do này cũng như nhiều lý do khác nữa đã không đạt được mục tiêu tuyển sinh của mình. Tất cả, ngoại trừ ba phân hiệu, đều biến mất. Chính phủ Singapore, từng chào đón các phân hiệu, sau một thời gian đã đóng cửa một số cơ sở vì nhiều lý do khác nhau, trong khi các cơ sở khác trong khu vực bị chính các tổ chức chủ nhà hoặc các cơ quan chính quyền khác đóng cửa do hạn chế mặt tài chính, tuyển sinh và các quy định chính trị nội bộ. Thậm chí nhiều IBC không được triển khai, chẳng hạn như kế hoạch 2018 của Trường Đại học Groningen của Hà Lan tại Trung Quốc.

Ai phải trả giá?

Mặc dù hầu như không có nghiên cứu chi tiết về tình hình tài chính của các IBC, một vài điều cũng khá rõ ràng. Đầu tiên là rất ít trường đại học trả tiền cho các địa điểm hoặc cơ sở vật chất mà họ sử dụng ở các nước sở tại. Trong một số trường hợp, chẳng hạn như Đại học New York ở Abu Dhabi, học xá của họ là do chính phủ Abu Dhabi xây dựng. Trong vài trường hợp khác, giới kinh doanh bất động sản địa phương cung cấp các tòa nhà như mỗi nhủ để IBC phát triển. Chính phủ Qatar đã xây dựng Thành phố Giáo dục để thu hút

chín IBC đến đó. Nhiều IBC được các nhà tài trợ của nước mình và nước sở tại kỳ vọng sẽ kiếm được lợi nhuận hoặc ít nhất là hòa vốn khi cung cấp các chương trình giáo dục. Một số cơ sở khác được chính quyền sở tại trợ cấp rất nhiều. Gần đây nhất là hiện tượng các IBC có quyền lực mềm, mang sứ mạng quảng bá đất nước mình tới các nước sở tại. Có vẻ không có nhiều IBC tồn tại được nếu như phải tự trả toàn bộ chi phí. Và những IBC đang cố gắng làm như vậy, hoặc nhận được quá ít hỗ trợ từ nước mình hoặc nước sở tại, có xu hướng thất bại và bị phá sản.

Vì sao IBC vẫn tồn tại?

Động lực để thành lập và duy trì các IBC khá phức tạp và khác nhau đối với bên chủ sở hữu và bên sở tại (xem bài viết của Rumbley và Wilkins về sửa đổi định nghĩa phân hiệu trong IHE #93). Đối với nước sở tại, các phân hiệu quốc tế có thể đem đến danh tiếng của một trường đại học nước ngoài, có thể cung cấp thêm các cơ hội tiếp cận giáo dục ở những nơi còn thiếu, giữ được sinh viên học trong nước thay vì du học nước ngoài, mang đến những ý tưởng mới về chương trình đào tạo, quản trị, giảng dạy hoặc những sự đổi mới khác và đặc biệt trong trường hợp các doanh nghiệp tư nhân, là cơ hội kiếm tiền. Một vài nơi – ví dụ như Dubai, Qatar và Hàn Quốc – cho mình là “trung tâm giáo dục”, và đã nỗ lực, với những mức độ thành công khác nhau, trong việc thu hút các trường đại học nước ngoài đến thành lập phân hiệu để phục vụ cho thị trường địa phương hoặc khu vực. Đặc biệt là ở Trung Đông, các IBC cung cấp cho phụ nữ, những người ít có khả năng ra nước ngoài, cơ hội học tập tại một trường đại học “nước ngoài”.

Các trường đại học chính cũng đặt ra một loạt mục tiêu. Trong một số trường hợp, họ xem các phân hiệu của họ như một phương tiện tuyển sinh cho trường chính ở mẫu quốc và để xây dựng hình ảnh thương hiệu cho trường. Nhiều trường tập trung vào việc kiếm nguồn thu nhập. Một số nước xem IBC của họ như là một phần của sáng kiến “sức mạnh mềm”. Một số trường đại học coi các phân hiệu của họ là một phần chiến lược quốc tế của trường và như một phương tiện quốc tế hóa, đặc biệt khi sinh viên từ cơ sở chính đến học tại các phân hiệu ở nước ngoài. Trường Đại học New York đã đặc biệt thành công trong việc cung cấp cơ hội cho sinh viên trong nước đi học tại các phân hiệu của trường tại Abu Dhabi và Thượng Hải. Lời mời từ các nước sở tại tiềm năng, đặc biệt là khi kết hợp với các khoản đầu tư đáng kể, cũng rất hấp dẫn. Trong một số trường hợp, ví dụ như các phân hiệu của các trường đại học Ấn Độ ở Dubai và Caribbean, các phân hiệu chỉ nhằm phục vụ các cộng đồng ngoại kiều. Phân hiệu của Đại học Hạ Môn tại Malaysia, được tài trợ chủ yếu bởi cộng đồng người Hoa địa phương để phục vụ sinh viên Malaysia gốc Hoa, là một mô hình khác.

Chỉ một phần danh sách các động lực này, nhìn từ mọi khía cạnh của phương trình IBC, cũng cho thấy các mục tiêu phức tạp và đôi khi mâu thuẫn của nhiều bên liên quan.

IBC có phải là sự đổi mới không, và có những đóng góp gì?

Có rất ít bằng chứng cho thấy các phân hiệu quốc tế đóng góp nhiều vào

việc cải cách hệ thống giáo dục đại học tại nơi họ vận hành. Dường như các cơ sở này chỉ hoạt động trong bối cảnh riêng của mình và phản ánh các chương trình giáo dục, và ở một mức độ nào đó, phương pháp giảng dạy và học tập, của trường đại học tài trợ. Như Jason E. Lane và Hans Pohl nêu ra trong Giáo dục Đại học Quốc tế, những đóng góp của IBC cho nghiên cứu khá là hạn chế, trừ vài ngoại lệ. Có rất ít hoặc không có bằng chứng cho thấy IBC góp phần cải thiện giáo dục đại học ở các nước sở tại. Ngược lại, thường xuyên có những căng thẳng liên quan đến tự do học thuật và những yêu cầu ý thức hệ của chính phủ các nước sở tại, như các ví dụ gần đây ở Trung Quốc cho thấy.

Các IBC có phải là bản sao trường đại học chính của họ không?

Nền tảng chính của ý tưởng IBC là các phân hiệu nên sao chép chương trình giảng dạy, đội ngũ giảng viên và những nét đặc trưng của trường chính càng nhiều càng tốt. Có rất ít bằng chứng cho thấy các IBC đã thực hiện nội dung quan trọng này bằng cách này hay cách khác. Chỉ một số ít trường hợp, chẳng hạn như các phân hiệu của trường Đại học New York tại Thượng Hải và Abu Dhabi, và phân hiệu của trường Yale ở Singapore, trường đại học chính đã cố gắng duy trì các tiêu chuẩn học thuật và đặc tính của mình với chi phí đáng kể. Các phân hiệu đại học Hoa Kỳ tại Thành phố học thuật của Qatar, với sự tài trợ đáng kể từ các nhà tài trợ sở tại, cũng cố gắng sao chép trường đại học chính của mình. Nhiều phân hiệu, đặc biệt là những cơ sở tập trung kiếm lợi nhuận cho trường chính ở trong nước, cung cấp văn bằng của trường chính, nhưng chủ yếu sử dụng giảng viên địa phương và có cơ sở vật chất khá sơ sài. Câu hỏi nghiêm túc cần đặt ra là các IBC có ngang bằng với trường chính về tiêu chuẩn học thuật và chất lượng giáo dục hay không.

Tương lai không chắc chắn

Nhiều khả năng các IBC sẽ tiếp tục tồn tại như một phân khúc nhỏ trong phạm vi rộng lớn hơn của quá trình quốc tế hóa học thuật toàn cầu. Khi cung cấp giáo dục chất lượng và có các mối liên kết thích hợp với các tổ chức học thuật ở nước sở tại, các IBC rất hữu ích. Khi mang đến những ý tưởng giáo dục phi truyền thống, như giáo dục khai phóng, và các chuẩn mực học thuật quan trọng, như tự do học thuật, các IBC có thể là sự bổ sung đáng kể cho nước sở tại.

Trong môi trường toàn cầu hiện nay, có lý do để lo lắng về tương lai của các IBC. Khi các quốc gia đã xây dựng đủ năng lực và chất lượng cho các hệ thống học thuật của mình, sẽ không rõ các IBC còn hữu ích hay còn sức thu hút sinh viên nữa hay không. Ở các quốc gia như Trung Quốc, nơi tự do và tự chủ về mặt học thuật phải đối mặt với ngày càng nhiều sự hạn chế, các IBC có thể gặp khó khăn khi hoạt động. Ngoài ra, các chương trình nghị sự phía sau các IBC có thể bắt đầu khác nhau giữa các nước sở tại và các trường đại học chính. Và sự đa dạng ngày càng tăng trong mô hình, chương trình tài trợ, quy định quốc gia, và chất lượng của các tổ chức khiến cho khó mà gộp chung các IBC vào một loại hình.

Cách mạng cận biên: các phân hiệu đại học ở Trung Quốc

Xiaojiang Ding

Xiaojiang Ding là Giáo sư của Học viện Nghiên cứu Giáo dục Quốc tế và So sánh, Đại học Sư phạm Thượng Hải, Trung Quốc. E-mail: dingxiaojiang@hotmail.com.

Với sự hỗ trợ của chính phủ, giáo dục liên kết quốc tế (TNE) bắt đầu phổ biến ở Trung Quốc từ những năm 1980. TNE hoạt động dưới hai hình thức: trường liên kết quốc tế và chương trình liên kết quốc tế. Một trường liên kết quốc tế có ít nhất ba chương trình liên kết. Theo trang web của Bộ Giáo dục (MoE), vào tháng 3 năm 2016 có 73 trường liên kết quốc tế và 1100 chương trình liên kết quốc tế bậc đại học và sau đại học tại 28/34 tỉnh. Chính phủ Trung Quốc cho phép các tổ chức giáo dục đại học nước ngoài mở TNE với điều kiện phối hợp với các đại học Trung Quốc: hiện có 1173 cơ sở và chương trình quốc tế do 611 đại học nước ngoài đến từ 35 quốc gia, phối hợp với 414 đại học Trung Quốc.

Ở Trung Quốc, giáo dục liên kết quốc tế (TNE) đồng nghĩa với xây dựng năng lực. Vào cuối những năm 1970, trong thời kỳ cải cách kinh tế và xã hội sâu rộng, hệ thống giáo dục đại học quốc gia tỏ ra lỗi thời và bất cập. TNE nổi lên như một sức mạnh non trẻ và được kỳ vọng sẽ giúp chuyển đổi căn bản hệ thống. Chính phủ Trung Quốc coi trọng các trường TNE hơn các chương trình TNE. Các chương trình TNE chịu sự quản lý của khoa/trường địa phương, còn các trường TNE hoạt động bình đẳng như các khoa/trường của Trung Quốc. Chính phủ kỳ vọng “nhập khẩu” mô hình quản trị và giảng dạy từ các đối tác nước ngoài. Năm 2013, Bộ GD&ĐT bắt đầu đánh giá TNE tại 23 tỉnh. Một trong những chỉ số đánh giá là “những lợi ích trong giảng dạy, nghiên cứu và học thuật mà những khoa/trường địa phương tham gia liên kết quốc tế nhận được”.

Điểm yếu học thuật của giảng viên TNE

Trái với mong đợi của chính phủ, TNE không đóng vai trò là vườn ươm cho những thay đổi về tổ chức và ngành. Trong bài viết “Lạc lối trong không gian quốc tế hóa: Thách thức của việc duy trì giảng viên giảng dạy ở nước ngoài”, Shelda Debowski kể câu chuyện về các giảng viên khoa Kinh doanh của một trường đại học Úc tham gia chương trình liên kết quốc tế có kết quả nghiên cứu kém hơn vì họ phải dành nhiều thời gian để giảng dạy ở nước ngoài, dẫn đến việc có số lượng công bố ít hơn so với các đồng nghiệp ở các trường kinh doanh khác. Điều tương tự cũng xảy ra với các giảng viên Trung Quốc tham gia TNE.

Các trường/chương trình liên kết quốc tế chủ yếu tập trung vào giảng dạy, trong khi các trường địa phương đặt ưu tiên hàng đầu cho nghiên cứu. Một tiêu chí để tuyển dụng giảng viên TNE là họ mong muốn và có khả năng giảng dạy, trong khi tuyển dụng vào các trường địa phương phải căn cứ vào thành tích nghiên cứu khoa học của họ. Tiêu chí tuyển dụng nghiên cứu viên của TNE tỏ ra lỏng lẻo hơn so với các trường địa phương, và giảng

Tóm tắt

Giáo dục liên kết quốc tế (transnational education - TNE) ở Trung Quốc liên quan mật thiết đến khái niệm xây dựng năng lực. Tuy nhiên, những điểm yếu về học thuật, và cách thức vận hành cản trở việc chuyển giao tri thức cũng như sự học hỏi của tổ chức. Sau 30 năm phát triển, TNE vẫn chỉ giữ vai trò ngoại vi trong hệ thống giáo dục đại học Trung Quốc, tác động rất ít đến việc xây dựng năng lực.

Các trường/chương trình quốc tế chủ yếu tập trung vào giảng dạy, trong khi các trường địa phương đặt ưu tiên hàng đầu cho nghiên cứu.

viên của các TNE có thể bị các trường địa phương từ chối với lý do yếu kém về học thuật.

Giảng dạy bằng ngoại ngữ làm tăng khối lượng công việc đối với giảng viên địa phương. Nhiều giảng viên TNE có kinh nghiệm trao đổi quốc tế và/hoặc có bằng cấp của đại học nước ngoài. Tuy nhiên, việc chuẩn bị nội dung giảng dạy, thiết kế bài thi và đánh giá sinh viên cuối kỳ bằng ngoại ngữ vẫn chiếm mất phần lớn thời gian mà họ có thể dành cho nghiên cứu. Các giảng viên TNE thường phàn nàn rằng nghiên cứu khoa học là quá xa xỉ đối với họ trong bối cảnh họ đã bị quá tải bởi khối lượng công việc giảng dạy. Kết quả là, giảng viên TNE bị coi là yếu kém về mặt học thuật và ở thứ bậc thấp hơn so với những đồng nghiệp không tham gia TNE.

Điểm yếu học thuật của TNE

Bản thân các TNE bị coi là yếu về mặt học thuật, bất chấp thực tế là một số trường/ chương trình quốc tế hoạt động theo phương thức hợp tác với các trường đại học hàng đầu. Nhiều tổ chức TNE chủ yếu chỉ thực hiện công việc quản trị hàng ngày, công tác giảng dạy của họ phụ thuộc nhiều vào giảng viên bán thời gian đến từ các trường địa phương. Vì thế họ luôn đứng trước nguy cơ bị thiếu hụt giảng viên, vì lực lượng chuyên môn của họ không phải là “nội sinh”, mà được “vay mượn” từ các trường địa phương. Thiếu sức mạnh học thuật độc lập, các trường liên kết quốc tế thường không được đặt tên theo chuyên môn học thuật (chẳng hạn như Đại học Khoa học Kỹ thuật), mà theo sự hợp tác quốc tế (chẳng hạn Trường Cao đẳng Anh-China, hoặc Trường Quốc tế Âu-Hoa). Đôi khi các chương trình khoa học xã hội-nhân văn, chương trình khoa học-kỹ thuật được liên kết với cùng một trường khi các đối tác đại học nước ngoài đều trong cùng một quốc gia (ví dụ, một TNE hợp tác với nhiều trường đại học Pháp để đào tạo về kinh tế, quảng cáo và khoa học máy tính).

Tuy nhiên, mô hình trường TNE vẫn trở nên phổ biến trong những năm gần đây. So với các chương trình liên kết quốc tế nằm rải rác trong nhiều trường đại học, trường liên kết quốc tế có sức thu hút lớn hơn nhờ lợi thế về quy mô. Điều này hấp dẫn sinh viên quốc tế và cho phép các trường đại học địa phương liên quan (liên kết TNE) được thể hiện mình là nhà cải cách.

Các chương trình TNE cũng tương tự như các trường TNE. Liên kết với các trường/khoa địa phương, có quy mô tương đối nhỏ, hợp tác chặt chẽ với các khoa ở địa phương để tổ chức đào tạo. Tương tự như các trường liên kết quốc tế, các chương trình liên kết quốc tế cũng đối mặt với rủi ro thiếu hụt nhân lực chuyên môn.

Tác động hạn chế của thực tiễn TNE

Hầu hết các trường và chương trình liên kết quốc tế sử dụng một lực lượng lớn giảng viên từ các trường địa phương theo hình thức bán thời gian, những người được kỳ vọng sẽ tiếp thu và áp dụng thực tiễn giảng dạy quốc tế vào công việc giảng dạy địa phương. Tuy nhiên, điều này đã không xảy ra. Trong thực tế, giảng viên thực hiện việc giảng dạy tại các TNE một cách qua loa mà không hề quan tâm đến việc phổ biến những thực tiễn mới mẻ.

Hơn nữa, một số trường/chương trình liên kết quốc tế chủ yếu hướng đến việc đáp ứng nhu cầu thị trường và có vai trò như một bàn đạp để sinh viên đi du học năm thứ ba/thứ tư tại những đại học đối tác nước ngoài. Mặc dù giảng viên của các trường đại học đối tác Trung Quốc và các đồng nghiệp nước ngoài cùng dạy trong một trường/chương trình TNE, nhưng cho đối tượng khác nhau: giảng viên địa phương dạy năm thứ nhất và năm thứ hai, cho những sinh viên sẽ hoàn tất chương trình đào tạo (năm 3-4) tại Trung Quốc và chủ yếu học các khóa nền tảng; trong khi giảng viên nước ngoài dạy năm thứ ba/ thứ tư cho những sinh viên sẽ đi nước ngoài và học các khóa nâng cao. Mặc dù giảng viên địa phương có nhiều cơ hội tham gia TNE, nhưng họ hiếm khi tham gia các hoạt động ở nước ngoài.

Cuộc cách mạng cận biên

Tình trạng và tác động của TNE đối với giáo dục đại học Trung Quốc có thể được mô tả như một cuộc cách mạng cận biên. Do Ronald Harry Coase và Ning Wang đề xướng, thuật ngữ “Cách mạng cận biên” mô tả một quá trình thay đổi mạnh mẽ của nền kinh tế Trung Quốc trong 30 năm qua. Sự thay đổi được kích hoạt ở những lĩnh vực ngoại vi của nền kinh tế, với sự tái sinh của khu vực tư nhân hoạt động bên ngoài những ràng buộc của khuôn khổ thể chế hiện có. Các lực lượng cận biên này cuối cùng đã hòa vào dòng chính kinh tế và chuyển đổi căn bản hệ thống kinh tế quốc gia.

Giống như các khu vực tư nhân khác khi bắt đầu cải cách kinh tế, TNE hoạt động bên ngoài khuôn khổ thể chế chính quy của giáo dục đại học. Tuy nhiên, TNE đã không đạt được sự chuyển đổi sâu rộng như những ngành khác. Do sự yếu kém về học thuật của các TNE và của giảng viên, các trường/chương trình liên kết quốc tế thường đứng ở vị trí cuối cùng trong bảng đánh giá đại học hàng năm, vốn luôn đề cao nghiên cứu. TNE đã trở thành yếu thế trong bối cảnh giáo dục đại học Trung Quốc, không thể là kiểu mẫu đối với các trường đại học địa phương. Vì nhiều lý do, chuyên môn nhập khẩu từ nước ngoài cũng hiếm khi đến được với các trường/khoa địa phương. Cuối cùng, sau 30 năm tăng trưởng nhanh chóng về số lượng, TNE vẫn nằm ở ngoại vi của hệ thống giáo dục đại học và chỉ có tác động rất yếu.

Phân hiệu đại học quốc tế: học viện Platon thời nay

Lan He và Stephen Wilkins

Lan He là Nghiên cứu viên Đại học Kinh tế Tài chính Yunnan, Kunming, Trung Quốc. E-mail: 526934738@qq.com. Stephen Wilkins là Giáo sư của Đại học Anh tại Dubai, Tiểu Vương quốc Ả Rập Thống Nhất. E-mail: stephen.wilkins@buid.ac.ae.

Thành lập vào năm 387 trước công nguyên, Học viện Platon được xem là một cội nguồn văn minh và văn hoá của thế giới hiện đại. Ban đầu Học viện là một hiệp hội các trí thức Hy Lạp, gồm những triết gia, các nhà toán

Tóm tắt

Phân hiệu đại học quốc tế (International Branch Campus - IBC) có vai trò như Học viện Platon thời cổ đại. Trong vài thập kỷ, các IBC đã tiến hoá từ vai trò ban đầu là phương tiện và công cụ triển khai kinh doanh giáo dục-đào tạo, đến vai trò hiện nay là trung tâm chuyển giao và ngoại giao tri thức. Trong tương lai, vai trò mới này có thể mang lại lợi ích cho các bên: quốc gia nguồn, quốc gia chủ nhà, các tổ chức, và người học.

học và thiên văn học. Về sau nó trở thành một trung tâm phổ biến tri thức. Sau vài ngàn năm, những tư duy và ý tưởng rục rờ của những triết gia cổ đại đã ăn sâu bén rễ vào mọi góc ngách của đời sống hiện đại.

Là một xu hướng mới có tính đột phá trong giáo dục đại học, các phân hiệu đại học quốc tế (IBC) thúc đẩy đáng kể tiến trình chia sẻ tri thức, đặc biệt đối với những nền kinh tế có thu nhập trung bình thấp và thúc đẩy ngoại giao tri thức giữa các quốc gia, tương tự như những gì Học viện Platon đã đạt được sau nhiều thế kỷ.

Chuyển đổi mô hình

Ngoại giao tri thức là một khái niệm ngày càng phổ biến và được coi là một sự thay thế cho quyền lực mềm. Ngoại giao tri thức có thể bao gồm những hoạt động giáo dục, nghiên cứu và đổi mới xuyên quốc gia để củng cố quan hệ giữa các quốc gia. Khung ngoại giao tri thức, do Jane Knight đề xướng, nhấn mạnh giá trị của ngoại giao là sự hiểu biết, thỏa hiệp, tương hỗ và có đi có lại. Ngược lại, các phương pháp tiếp cận của quyền lực mềm chủ yếu tác động đến lợi ích cá nhân để đạt được ảnh hưởng và kiểm soát (xem thêm bài Hiệp sĩ Ngoại giao Tri thức trong IHE #100).

Theo truyền thống, việc truyền bá kiến thức, công nghệ và đổi mới thông qua các IBC thường diễn ra một chiều, từ Bắc bán cầu thịnh vượng và phát triển xuống Nam bán cầu. Tương tự như các viện trợ quốc tế, IBC truyền thống được coi là một loại viện trợ giáo dục cho các quốc gia có nhu cầu cấp thiết về kiến thức mới và năng lực giáo dục đại học. Hoa Kỳ, Vương quốc Anh và các quốc gia Tây Âu khác vẫn là những quốc gia nguồn của nhiều IBC nhất, còn những quốc gia chủ nhà tiếp nhận nhiều IBC nhất thì rải rác khắp Đông Á, Đông Nam Á và Trung Đông. Các Đại học/Học viện Hoa Kỳ đã thành lập hơn 80 IBC trên toàn thế giới, Vương quốc Anh có hơn 40 IBC. Ngược lại, Trung Quốc và Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất (UAE) là nơi tiếp nhận gần một phần tư tổng số IBC toàn cầu.

Tuy nhiên, một thay đổi thú vị đang diễn ra trong bối cảnh hiện tại. Từng là một nước chủ nhà lớn, Trung Quốc hiện được xếp trong số 10 quốc gia nguồn IBC lớn nhất. Ấn Độ, Malaysia và Nga cũng đang bắt kịp. Ngày càng có nhiều nền kinh tế mới nổi từng cấm cửa các IBC nước ngoài giờ đã mở rộng cửa chào đón họ. Ngoài ra, các quốc gia có thu nhập cao, gồm Canada, Pháp và Vương quốc Anh hiện đang được liệt kê trong số 10 quốc gia tiếp nhận hàng đầu.

Môi trường ngoại giao tri thức

Internet đã làm cho thế giới trở nên “phẳng hơn”, thông qua những trao đổi nhanh chóng diễn ra hàng ngày giữa các quốc gia, các nền văn hoá khác nhau. Bối cảnh này khiến cho các IBC phát triển từ vai trò ban đầu chỉ là công cụ và phương tiện hỗ trợ giáo dục – và kinh doanh đào tạo - thành trung tâm chuyển giao và ngoại giao tri thức. Ngoại giao tri thức mang lại lợi ích tiềm năng cho nhiều bên, quốc gia nguồn, quốc gia chủ nhà, các tổ chức và người học.

Thế giới ngày nay đầy những mâu thuẫn và tình huống phức tạp nảy sinh do giao thoa ngày càng tăng giữa các nền văn hóa. Những hiểu lầm, diễn giải

sai và sự nghi ngại làm sai lệch nhận thức về nhau. Thật không may, những mâu thuẫn này không thể dễ dàng giải quyết bằng con đường ngoại giao chính thức. Sẽ hiệu quả hơn nếu kết nối mọi người với nhau bằng những nét tương đồng và tăng cường lòng tin lẫn nhau. Tri thức và giáo dục, những di sản lớn nhất của nhân loại, là cách tiếp cận tốt nhất để tăng cường hiểu biết và cải thiện quan hệ quốc tế. Trong việc này, các IBC đóng vai trò chính.

Hoạt động của IBC có thể bị chi phối bởi các chính sách, nhóm quyền lực, nhóm học thuật và thông tin đại chúng; nhưng không nên coi nhẹ chức năng quan trọng của IBC như một phương tiện ngoại giao tri thức. Trong vai trò này, các IBC thúc đẩy trao đổi sinh viên, giảng viên, kiến thức, văn hóa và chuyên gia. Thế hệ sinh viên đang phát triển năng lực quốc tế và đa văn hóa sẽ là một lực lượng đảm bảo hòa bình thế giới trong tương lai.

Giáo dục đại học đã trở thành một công cụ quan trọng, được các quốc gia sử dụng để xây dựng và duy trì các mối quan hệ chính trị, xã hội và kinh tế một cách thuận lợi. Một quốc gia thuộc Liên Xô cũ như Armenia không ngần ngại cung cấp đất miễn phí để trường Đại học Kinh tế Nga Plekhanov xây dựng một phân hiệu nhằm mang lại lợi ích chung. Mặc dù các phân hiệu đại học ở Châu Phi thường không mang lại lợi ích kinh tế, vẫn ngày càng có nhiều trường mở IBC ở đây.

Kinh tế tri thức và triển vọng tương lai

Đã có những bằng chứng cho thấy các IBC có thể giúp quốc gia chủ nhà xây dựng một nền kinh tế tri thức. Điều này được chứng minh bằng các kết quả nghiên cứu, các đăng ký sáng chế và các hoạt động khởi nghiệp. Nghiên cứu của Pohl và Lane vào năm 2017 cho thấy những IBC ở Qatar chiếm tới 38% tổng số ấn phẩm học thuật của Qatar. Đại học Amity (Ấn Độ) với 13 chi nhánh trên toàn thế giới, đã đăng ký hơn 800 bằng sáng chế.

Các IBC có thể mang đến chuyên môn, nghiên cứu và đổi mới cho quốc gia chủ nhà để giải quyết các vấn đề địa phương, khu vực và toàn cầu. Một số quốc gia đặc biệt mong muốn thu hút các trường đại học y, như Weill Cornell Medicine Qatar và Newcastle University Medicine Malaysia. Từ khi ra mắt vào năm 2012, Đại học Kỹ thuật Berlin El Gouna đã được lập kế hoạch và được xây dựng để trở thành một trung tâm nghiên cứu, đổi mới và hợp tác quốc tế ở Ai Cập. Để đáp ứng nhu cầu địa phương, trường này chuyên giảng dạy và nghiên cứu về kỹ thuật năng lượng và nước, và phát triển đô thị.

Mặc dù vẫn có một số ý kiến cho rằng các IBC đang suy yếu và chết dần, bằng chứng cho thấy điều ngược lại, nhiều IBC vẫn mạnh mẽ, thành công và tiếp tục phát triển. Ví dụ, ba IBC ở Dubai (Đại học Heriot-Watt, Học viện Công nghệ Rochester và Đại học Wollongong) đang xây dựng thêm cơ sở mới lớn hơn. Các phân hiệu này rõ ràng sẽ phát triển mạnh trong những năm tới.

So sánh IBC với Học viện Platon có thái quá không? Chỉ thời gian mới có câu trả lời, nhưng không cần vài thiên niên kỷ như Học viện Platon, những đóng góp tích cực của IBC có thể được công nhận sớm hơn nhiều.

Hoạt động của IBC có thể bị chi phối bởi các chính sách, nhóm quyền lực, nhóm học thuật và thông tin đại chúng; nhưng không nên coi nhẹ chức năng quan trọng của IBC như một phương tiện ngoại giao tri thức.

Quốc tế hóa hoạt động nghiên cứu ở các phân hiệu đại học quốc tế

Jason E. Lane và Hans Pohl

Jason E. Lane là Hiệu trưởng School of Education và là Giáo sư về Chính sách giáo dục của Đại học Bang New York tại Albany, Hoa Kỳ, đồng thời là đồng Giám đốc của nhóm Nghiên cứu Giáo dục Xuyên biên giới. E-mail: Jason.lane@suny.edu. Hans Pohl là Giám đốc Quỹ Thụy Điển Hợp tác Quốc tế về Nghiên cứu và Giáo dục đại học (STINT) và là một Nhà nghiên cứu của nhóm Nghiên cứu Giáo dục Xuyên biên giới. E-mail: hans.pohl@stint.se.

Các phân hiệu đại học quốc tế (IBC) thường chỉ thực hiện hoạt động đào tạo, và bị phê phán là bản sao mờ nhạt của trường mẹ. Đúng là các IBC tập trung chủ yếu vào giảng dạy, với mức độ chất lượng khác nhau, một phần bởi vì là các tổ chức khởi nghiệp, họ phải phát triển và thực hiện chương trình giảng dạy cũng như tuyển dụng giảng viên và sinh viên để phát triển nguồn thu nhập. Tương tự như các trường đại học tư, đại đa số IBC vẫn sẽ tiếp tục tập trung vào giảng dạy.

Số liệu cho thấy, sau hơn 20 năm phát triển toàn cầu, một phần ba các IBC bắt đầu tham gia vào nghiên cứu, một số đã hình thành văn hoá nghiên cứu riêng. Mặc dù vẫn có những khác biệt lớn giữa các IBC về chất lượng giảng dạy và năng suất nghiên cứu, chúng tôi chọn khảo sát khoảng một phần ba những IBC có hoạt động nghiên cứu, thể hiện bằng số lượng bài công bố trên Scopus.

Phân tích căn cứ vào kết quả tìm kiếm những bài được công bố trong giai đoạn từ 1996 đến 2016 của 250 IBC nằm trong danh sách do Cross-Border Education Team xác định ở giai đoạn này. Trong số đó 149 IBC có ít nhất 1 bài; khoảng 1/3 (93 IBC) có ít nhất 10 bài công bố trên Scopus.

Mặc dù loại hình IBC đã tồn tại gần một thế kỷ, nhưng chỉ từ giữa đến cuối những năm 1990 các IBC mới lan rộng toàn cầu – ra ngoài mẫu quốc. Năm đầu tiên của giai đoạn nghiên cứu này (1996) không ghi nhận bất kỳ công bố học thuật nào của các IBC. Vào năm 2000, khi toàn thế giới có 82 IBC, nhiều cơ sở trong số đó chỉ mới được thành lập, dữ liệu cho thấy năng suất nghiên cứu của các IBC là ít hơn 50 ấn phẩm. Đến năm 2009, số bài công bố hàng năm tăng lên hơn 500, và sau đó tăng vọt thành 3500 bài vào năm 2016. Trong năm đó, tổng số ấn phẩm tích lũy của IBC đạt gần 20 ngàn.

Xu hướng toàn cầu

IBC hiện diện rải rác ở 82 quốc gia. Một số nước có 1 IBC, vài quốc gia có hơn 10 IBC. Bốn quốc gia có nhiều hơn 10 những IBC công bố được từ 10 bài báo trở lên: Trung Quốc (14), Các Tiểu vương quốc Ả Rập (13), Malaysia (10) và Qatar (10). Dù vậy những con số này không thể hiện được những khác biệt lớn giữa các quốc gia. Malaysia và Qatar có số lượng công bố thấp nhất trong nhóm nhưng chúng là sản phẩm của hầu hết các IBC ở hai quốc gia này. Trong trường hợp Qatar, các IBC đóng góp từ 25% đến 40% năng suất xuất bản hàng năm của toàn quốc trong các năm 2006-2016. Trong khi Trung Quốc với số IBC đồng nhất, và số lượng công bố nhiều nhất (1996-2016), lại

Tóm tắt

Bài viết này căn cứ vào dữ liệu khoa học chính thức khảo sát năng suất nghiên cứu ở các phân hiệu đại học quốc tế (International Branch Campus - IBC). Dữ liệu cho thấy một phần ba các IBC có năng suất nghiên cứu đạt mức tối thiểu, với thành tích cao nhất là trên 400 công bố/năm. Mặc dù năng suất nghiên cứu không cao, nhưng dữ liệu cũng cho thấy các IBC có vai trò đáng kể trong tiến trình quốc tế hóa nghiên cứu và góp phần tăng năng suất nghiên cứu của quốc gia sở tại.

Các IBC tại Trung Quốc đã công bố 5000 công trình trong giai đoạn được xem xét.

hoàn toàn khác. Các IBC tại Trung Quốc đã công bố 5000 công trình trong giai đoạn được xem xét. Tuy nhiên con số này chỉ chiếm 1% năng suất nghiên cứu của toàn quốc.

Xem xét tác động trích dẫn của các công bố cho thấy rõ hơn sự đóng góp của các IBC. Với bốn quốc gia được đề cập ở trên, chỉ số tác động trích dẫn (FWCI) của họ lúc lên lúc xuống, nhưng có xu hướng tăng trong một thập kỷ gần đây. Khi tách riêng các công bố của IBC và công bố của các trường bản địa để xem xét, chúng tôi nhận thấy tác động trích dẫn của các công bố do IBC cao hơn đáng kể so với các trường bản địa; dù sao cũng cần khảo sát kỹ hơn để xác định kết quả này có được là do chất lượng của công bố hay nhờ vào hiệu ứng lan tỏa danh tiếng của trường mẹ.

Năng suất của các IBC

Số lượng công bố của các IBC rất khác nhau. Như đã nêu trên, hai phần ba các IBC có ít hơn 10 công bố tính từ khi thành lập. Trong khi đó mỗi IBC trong top 5 đứng đầu về năng suất có hơn 1000 bài tổng cộng, còn trong top 3 có hơn 2500 bài tổng cộng. Các IBC thuộc top 5, xếp từ trên xuống gồm: Monash University (Malaysia); Texas A&M Qatar; The University of Nottingham, Malaysia Campus; Xi'an Jiaotong Liverpool University (China); và Weill Cornell Medical College in Qatar. Số lượng bài đăng của các IBC top 5 có xu hướng gia tăng, mỗi tổ chức có trên 100 bài/năm- trong top 3 là 400 bài/IBC/năm 2016.

Quốc tế hoá nghiên cứu

Một trong những phát hiện của nghiên cứu này là IBC có thể là một cơ chế hữu ích để quốc tế hoá nghiên cứu, cho cả quốc gia tiếp nhận và trường mẹ.

Xem xét 4 quốc gia nêu trên, tỷ lệ bài đăng của các IBC có đồng tác giả quốc tế cao hơn đáng kể so với tỷ lệ bài đăng (có đồng tác giả quốc tế) của trường bản địa. Ở Qatar, khoảng 85% bài đăng năm 2016 của IBC có đồng tác giả quốc tế. Tỷ lệ này ở các trường bản địa Qatar là thấp hơn. Ở Trung Quốc các tỷ lệ tương ứng là 68% của IBC và 40% của các trường bản địa.

Chuyển sang xem xét dữ liệu 5 IBC có năng suất nghiên cứu cao nhất, chúng tôi nhận thấy một xu hướng tương tự. Tỷ lệ các bài đăng (của IBC) đồng tác giả với một cộng tác viên quốc tế đã vượt quá tỷ lệ này của trường mẹ. Texas A & M ở Qatar dẫn đầu với 90% các bài đăng có sự hợp tác quốc tế, trong khi trường mẹ chỉ khoảng 40%.

Khi phân tích mạng lưới hợp tác, chúng tôi có 2 phát hiện thú vị. Thứ nhất, hợp tác quốc tế phổ biến nhất là giữa các phân hiệu và trường mẹ, cho thấy các IBC có ảnh hưởng trực tiếp đến việc quốc tế hóa các hoạt động nghiên cứu của trường mẹ. Thứ hai, hiếm khi các IBC hợp tác với những tổ chức đối tác của trường mẹ. Điều này cho thấy các IBC đang mở ra những quan hệ hợp tác mới, thường là với các trường bản địa ở những khu vực gần.

Tương lai

Dữ liệu cho thấy các IBC toàn cầu đang khác biệt hoá, tương tự những gì chúng ta thấy trong giáo dục đại học tư thục nói chung. Trong khi đại đa số các IBC vẫn tập trung vào việc cung cấp những thực tiễn giáo dục khác biệt

với các trường bản địa hoặc đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng đối với giáo dục đại học, một số IBC dường như dồn nỗ lực vào việc thúc đẩy văn hóa nghiên cứu mạnh mẽ hơn, gia nhập đội ngũ những tổ chức bán ưu tú.

Nghiên cứu tăng trưởng vì rất nhiều nguyên do khác nhau, và những nguyên do đó cũng có phần khác biệt giữa các IBC ở các quốc gia khác nhau. Đó có thể là sự trưởng thành của văn hóa học thuật, tuyển dụng được những học giả có trình độ cao hơn và báo cáo dữ liệu minh bạch hơn (ví dụ tác giả của IBC được định danh). Cần có thêm những nghiên cứu để xác định những yếu tố nào đang góp phần phát triển nghiên cứu trong một phần ba các IBC và những yếu tố nào cản trở hai phần ba các IBC còn lại. Ngoài ra, cần mở rộng nghiên cứu về tác động của văn hóa nghiên cứu tại các IBC đối với chương trình giảng dạy, sinh viên và văn hóa học thuật nói chung, nhất là đối với những nơi không có văn hoá này.

Tuy nhiên, một điều rõ ràng là một số IBC có đủ năng lực nghiên cứu, và đang tích cực tham gia vào hoạt động xuất bản ấn phẩm học thuật; mặc dù chưa thể minh định được hoạt động này là chức năng của doanh nghiệp nói chung hay là trọng tâm chiến lược của các trường.

Ảnh hưởng của chính sách "Chine Reset" đến du học toàn

Rahul Choudaha

Rahul Choudaha là Nghiên cứu viên chính và là đồng sáng lập của DrEducation, LLC. E-mail: rahul@DrEducation.com.

Tháng 10 năm 2019 tạp chí Inside Higher Education nhận định: "Tiếp theo sự bùng nổ chưa từng thấy trong tuyển sinh sinh viên đại học từ Trung Quốc, các trường đại học sẽ chứng kiến sự sụt giảm". Tuyên bố này trái ngược với báo cáo tháng 11 năm 2011 của Chronicle of Higher Education: "Mong muốn du học mạnh mẽ của học sinh Trung Quốc vẫn không giảm xuống". Vậy thì vì sao chúng ta lâm vào tình cảnh này, và nó tác động thế nào đến các trường đại học Hoa Kỳ?

Cơn sóng tăng trưởng sinh viên Trung Quốc

Điều mà ai cũng nhận ra là nhiều trường đại học ở các vùng khác nhau của nước Mỹ đang phải đối mặt với sự thay đổi nhân khẩu học, dẫn đến việc mỗi trường đều tuyển được ít sinh viên hơn. Đồng thời, tài trợ công cho giáo dục đại học cũng bị thu hẹp. Dưới áp lực của việc nguồn sinh viên và ngân sách đều giảm, nhiều tổ chức giáo dục đại học Mỹ tìm cách tăng tuyển sinh quốc tế như một nguồn thu mới để duy trì hoạt động và bù đắp cho khoản ngân sách thâm hụt.

Trong bối cảnh này, nhu cầu ngày càng tăng của sinh viên Trung Quốc được tiếp cận giáo dục đại học Mỹ đáp ứng đúng lúc các mục tiêu tuyển sinh, bởi vì nguồn thu này cao hơn gấp hai đến ba lần so với học phí thu từ sinh viên nội địa. Khát vọng học tập của tầng lớp trung lưu mới ở Trung Quốc tạo nên phần lớn mức tăng trưởng giáo dục đại học ở Hoa Kỳ và hoàn toàn phù hợp với nhu cầu tăng tuyển sinh đại học của các trường.

Tóm tắt

Trong những giai đoạn khi số lượng sinh viên đại học giảm sút và ngân sách bị thu hẹp, du học sinh đến từ Trung Quốc từng là vận may kinh tế đối với các trường đại học Mỹ. Xu hướng gần đây cho thấy nhiều trường đại học đang có tình trạng trì trệ và thậm chí giảm sút trong tuyển sinh sinh viên đại học từ Trung Quốc. Chính sách "Trung Quốc điều chỉnh" đang đặt ra những thách thức nghiêm trọng đối với các trường đại học và thúc đẩy họ tái đầu tư vào việc đa dạng hóa đối tượng sinh viên và vào việc hỗ trợ để giúp sinh viên thành công.

Do đó, số lượng sinh viên đại học đến từ Trung Quốc đã tăng thêm 132143 người trong giai đoạn giữa niên khóa 2007-2008 và 2017-2018 - tương đương mức tăng 800% trong 10 năm. Trái ngược với xu hướng sinh viên đại học từ Trung Quốc tăng lên là sự suy giảm 132996 học sinh tốt nghiệp trung học thuộc các cộng đồng không phải gốc Tây Ban Nha và da trắng trong cùng thời kỳ, theo Knocking at the College Door, một báo cáo của Ủy ban Giáo dục Đại học Phương Tây (WICHE).

Trong thập kỷ vừa qua, tác động kinh tế của sự tăng trưởng số lượng sinh viên đại học từ Trung Quốc là rất lớn. Ước tính của tôi dựa trên báo cáo NAFSA về Giá trị kinh tế của sinh viên quốc tế cho thấy sự đóng góp của sinh viên đại học từ Trung Quốc đã tăng từ 410 triệu đô la Mỹ trong năm 2007-2008 lên 5,3 tỷ đô la Mỹ trong năm 2017-2018.

Các trường land-grant hưởng lợi nhiều hơn

Một số trường đại học, chẳng hạn như các trường đại học land-grant (trường được ưu đãi cấp đất theo đạo luật Morrill), được hưởng lợi nhiều hơn từ việc tuyển sinh viên đại học từ Trung Quốc so với những trường khác. Mặc dù không có dữ liệu quốc gia về số lượng sinh viên Trung Quốc trong từng trường, Foreign Policy đã phân tích thị thực F-1 được cấp từ năm 2014 đến tháng 3 năm 2015 và xác định rằng hầu hết các trường đại học trong số 25 trường nhận nhiều sinh viên từ Trung Quốc nhất đều là các trường công lớn, trừ một vài trường hợp ngoại lệ như Đại học Columbia và Đại học Boston.

Cụ thể hơn, các trường đại học công land-grant được hưởng lợi từ nhu cầu tiếp cận nền giáo dục đại học Hoa Kỳ của sinh viên Trung Quốc nhờ sự kết hợp của các yếu tố, bao gồm vị trí xếp hạng và chi phí sinh hoạt và học phí tương đối thấp. Ví dụ, Đại học Illinois tại Urbana-Champaign (UIUC), nằm trong số 50 trường hàng đầu thế giới theo Xếp hạng Đại học Thế giới, được Foreign Policy xác nhận là trường dẫn đầu về số lượng sinh viên Trung Quốc có visa F-1. Số lượng tuyển sinh sinh viên đại học từ Trung Quốc tại UIUC tăng từ 96 trong năm học 2007-2008 thành 3202 vào năm 2017-2018.

Chỉ sau một thập kỷ, các trường đại học land-grant như UIUC đã có thể tăng học phí đối với sinh viên nước ngoài, nhưng nhu cầu của sinh viên từ Trung Quốc vẫn mạnh mẽ. Ví dụ, học phí trung bình đối với sinh viên ngoài tiểu bang, học toàn thời gian tại UIUC tăng từ 22526 đô la Mỹ lên thành 31681 đô la Mỹ trong giai đoạn từ năm học 2007-2008 đến 2017-2018 - tăng gần 41%. Doanh thu ước tính từ sinh viên đại học quốc tế tại UIUC đã tăng từ 2,2 triệu đô la Mỹ trong năm 2007-2008 lên thành 101,4 triệu đô la Mỹ trong năm 2017-2018.

Trong bối cảnh tác động kinh tế mạnh mẽ của dòng sinh viên đại học từ Trung Quốc, không có gì phải ngạc nhiên khi năm 2017, UIUC đã ký một chính sách bảo hiểm trị giá 60 triệu đô la Mỹ để phòng ngừa việc mất nguồn thu học phí đột ngột trong trường hợp sinh viên Trung Quốc giảm sút. Tuy nhiên, vạch ra một chính sách bảo hiểm phản ánh cách tiếp cận quản lý rủi ro ngắn hạn mà không phải là phương pháp đầu tư dài hạn.

Tác động của chính sách "Chine Reset"

Trong bài viết "Du học sinh đại học đến từ Trung Quốc và Ấn Độ" được xuất bản bảy năm trước trên IHE, tôi dự đoán rằng số lượng sinh viên đại học

Một số trường đại học, chẳng hạn như các trường đại học land-grant, được hưởng lợi nhiều hơn từ việc tuyển sinh viên đại học từ Trung Quốc so với những trường khác.

từ Trung Quốc sẽ giảm do thay đổi nhân khẩu học, do cải cách giáo dục địa phương và những lo ngại về năng lực tại các cơ sở. Tuy nhiên, những cơn gió ngược liên quan đến căng thẳng địa chính trị và suy thoái kinh tế không có trong bức tranh vào thời điểm đó, và do đó không được xem xét trong dự báo.

Chính sách "Trung Quốc điều chỉnh" (China Reset) sẽ làm tổn thương nhiều trường đại học công land-grant trước tiên. Những trường đại học này không chỉ có giá học phí cao mà hầu như không cấp học bổng. Đồng thời, việc thắt chặt các lựa chọn công việc đối với sinh viên quốc tế tốt nghiệp, cùng với sự cạnh tranh ngày càng tăng từ các điểm đến mới ở châu Âu và châu Á, sẽ gây khó khăn cho việc tăng cường tuyển sinh từ những quốc gia nhạy cảm với học phí như Ấn Độ, Nepal, Nigeria và Việt Nam.

Cần tái đầu tư vào thành công và tạo cơ hội tiếp cận giáo dục đại học cho sinh viên

Một trong những khuyến cáo quan trọng nhất đối với các trường đại học Mỹ là họ không nên tự mãn sau những thành công đã có. Họ cần xác định cách thức tái đầu tư vào việc đa dạng hóa đối tượng sinh viên của mình thông qua tiếp cận chủ động và hỗ trợ tài chính. Họ cần nhận thức tầm quan trọng của cơ hội tiếp cận và khả năng chi trả học phí của sinh viên quốc tế và hỗ trợ để sinh viên thành công trong quá trình học tập.

Trong thập kỷ qua, phần lớn mức tăng trưởng tuyển sinh có được nhờ nhu cầu tăng. Nói cách khác, nhu cầu học tập tăng lên nhanh chóng của sinh viên đại học từ Trung Quốc được các trường đại học đáp ứng một cách thụ động. Để duy trì mức tăng trưởng tuyển sinh trong tương lai và đảm bảo sự đa dạng đối tượng sinh viên, các trường đại học cần có cách tiếp cận chủ động và quốc tế. Trong thập kỷ vừa qua việc tuyển sinh đại học tại nhiều trường của Hoa Kỳ cũng làm bộc lộ sự thiếu chuẩn bị trong việc thu hút và hỗ trợ sinh viên quốc tế. Tại nhiều trường đại học, các dịch vụ hỗ trợ cho sinh viên quốc tế hầu hết chỉ giới hạn ở việc thực hiện các quy định cấp thị thực và nhập cư. Vẫn tiếp tục tăng học phí và lệ phí đối với sinh viên quốc tế mà không tái đầu tư tương xứng vào thành công của họ, một số tổ chức đang đứng chênh vênh trên bờ vực khi coi sinh viên quốc tế là những "con bò sữa".

Giáo dục đại học Mỹ vẫn hấp dẫn sinh viên quốc tế nhờ danh tiếng mạnh mẽ về sự xuất sắc và chất lượng. Những tổ chức chỉ xem xét về doanh thu mà không đầu tư tương xứng vào sự chuẩn bị của trường và trải nghiệm của sinh viên không chỉ đe dọa làm phương hại đến danh tiếng của Hoa Kỳ như một điểm đến, mà còn đang theo đuổi cách thức phát triển tuyển sinh quốc tế thiếu bền vững.

Tóm lại, chính sách "China Reset" đã trở thành một thách thức đối với nhiều trường đại học, vì họ phải đối mặt với việc cắt giảm ngân sách và giảm sút tuyển sinh. Tuy nhiên, nó cũng tạo ra một cơ hội để đánh giá lại phương pháp tiếp cận tuyển sinh quốc tế của họ và tái đầu tư vào việc tạo ra cơ hội tiếp cận và hỗ trợ sinh viên thành công.

Tuyển sinh quốc tế trong thế giới hậu Trung Quốc

Anna Esaki-Smith

Anna Esaki-Smith là đồng sáng lập và là Giám đốc điều hành của Education Rethink. E-mail: anna@education-rethink.com.

Tuyển sinh quốc tế sẽ thay đổi thế nào trong một thế giới hậu Trung Quốc? Phải thừa nhận rằng, đối với hầu hết các nhà quản trị giáo dục đại học, đó là một viễn cảnh khó hình dung. Sẽ là thiếu chính xác nếu nói rằng du học sinh từ Trung Quốc là yếu tố duy nhất có ảnh hưởng mạnh đến định hướng giáo dục quốc tế tính từ đầu thế kỷ này. Trong thực tế, số lượng du học sinh từ Trung Quốc đã tăng gần 1600% kể từ năm 2000, với hơn 660 ngàn sinh viên du học năm 2018. Mặc dù những du học sinh này lựa chọn nhiều điểm đến khác nhau, phần lớn trong số họ mạo hiểm đến Hoa Kỳ, với số lượng ít hơn nhưng vẫn là đáng kể chọn các thị trường nói tiếng Anh lớn khác như Vương quốc Anh, Úc và Canada.

Tuy nhiên, việc đủ khả năng tiếp nhận hiệu quả một số lượng lớn sinh viên cũng dẫn đến sự phụ thuộc quá mức về thể chế vào một quốc gia duy nhất như một nguồn thu học phí. Sự chuyển đổi kinh tế của quốc gia đông dân nhất thế giới đã tạo ra một tầng lớp trung lưu giàu có đủ khả năng tiếp cận nền giáo dục nước ngoài khiến cho Trung Quốc được coi như món quà tặng không ngừng, ít nhất từ quan điểm của các giám đốc tuyển sinh tại các trường đại học trên toàn cầu.

Cho đến lúc này. Trong báo cáo khai mạc từ hội đồng tư vấn nghiên cứu Education Rethink: Xem xét lại Trung Quốc: Cái kết của cuộc chơi (Rethink China: The End of the Affair), đồng nghiệp Jeremy Chan và tôi đã nghiên cứu sự giảm sút được thấy trước của số lượng sinh viên Trung Quốc ở nước ngoài, và tác động của xu hướng này đến các quốc gia lớn nói tiếng Anh. Trong khi dòng chảy du học vẫn tiếp tục phát triển, tốc độ đã chậm lại đáng kể do dân số già hóa, nền kinh tế chậm lại và giáo dục nội địa ở Trung Quốc được cải thiện. Điều thú vị là khi điều này đang diễn ra, giờ đây chúng ta nhận thấy những khác biệt trong chiến lược chung của những nước chủ nhà này; Hoa Kỳ và Vương quốc Anh tiếp tục phụ thuộc nhiều vào sinh viên Trung Quốc trong khi Canada và Úc thực hiện các bước đi cụ thể nhằm đa dạng hóa sinh viên. Chúng tôi tin rằng những khác biệt này có thể đặt hai quốc gia đầu vào vị thế ngày càng dễ bị tổn thương trong lĩnh vực đang trở thành một không gian rất đông đúc và nhiều cạnh tranh.

Chứng nghiệm Trung Quốc

Công bằng mà nói sẽ không bao giờ có một Trung Quốc khác, có nghĩa là một thị trường với dân số trẻ dồi dào, nắm giữ những nguồn tài chính cần thiết để theo đuổi việc học tập nghiên cứu ở nước ngoài. Vì vậy, từ bỏ một nguồn sinh viên dồi dào như vậy là một thách thức, bởi vì điều đó có nghĩa là chủ động tránh xa một quốc gia và tiếp cận những quốc gia khác có thể đang bị nhiều người bỏ qua, xét từ khía cạnh tài nguyên và sự quan tâm của các trường đại học. Khi không được dẫn dắt bởi một chiến lược quốc gia thống nhất, đây là một nhiệm vụ khó khăn đối với từng tổ chức riêng lẻ.

Tóm tắt

Dòng du học sinh Trung Quốc chảy đến các quốc gia lớn nói tiếng Anh đã chậm lại đáng kể từ năm 2016. Một số yếu tố góp phần tạo ra xu hướng này, bao gồm tình trạng già hóa dân số, kinh tế Trung Quốc tăng trưởng chậm hơn, và có thêm những lựa chọn học tập ở nước ngoài ít tốn kém hơn. Tuyển sinh quốc tế sẽ thay đổi thế nào, khi các trường đại học điều chỉnh để phù hợp với thế giới hậu Trung Quốc?

Việc đủ khả năng tiếp nhận hiệu quả một số lượng lớn sinh viên cũng dẫn đến sự phụ thuộc quá mức về thể chế vào một quốc gia duy nhất như một nguồn thu học phí.

Vấn đề này trở nên rõ ràng trong nghiên cứu của chúng tôi về các nước chủ nhà trong bối cảnh số lượng du học sinh từ Trung Quốc đang giảm dần. Nếu xem xét các chính sách gắn kết liên quan đến giáo dục đại học, bốn quốc gia điểm đến nói tiếng Anh chính xuất hiện ở hai thái cực khác nhau, trong đó Canada là quốc gia có nhiều sự phối hợp nhất và Hoa Kỳ là rời rạc nhất. Có hàng loạt các biến số góp phần tạo ra những khác biệt đó; ví dụ, khác với Hoa Kỳ, Canada có rất ít trường đại học, do đó, việc áp dụng một chính sách cho một nhóm nhỏ các tổ chức giáo dục đại học dễ dàng hơn rất nhiều. Ngoài ra, mức độ phù hợp của giáo dục với nhu cầu của ngành công nghiệp, với quyền làm việc và điều kiện nhập quốc tịch cũng có thể ảnh hưởng đến khả năng đổi hướng nhanh chóng của quốc gia và tập trung vào việc đa dạng hóa đối tượng sinh viên quốc tế, như trường hợp của Canada.

Ngoài ra, dòng du học sinh từ Trung Quốc tăng trưởng dù chậm hơn, nhưng vẫn liên tục không nhất thiết phản ánh số lượng tăng lên tương đương ở bốn quốc gia điểm đến chính, do đó có thể kết luận rằng nhiều sinh viên Trung Quốc đang chọn các điểm đến du học ít tốn kém hơn như Nhật Bản - được nhìn nhận là thân thiện và an toàn hơn, cũng như gần quê nhà của họ hơn. Trên thực tế, bất kỳ sinh viên quốc tế nào cũng đã bắt đầu quan tâm hơn đến việc nhận được lợi ích hữu hình từ khoản đầu tư học phí của họ, điều này thường có thể đo lường được bằng khả năng đảm bảo việc làm sau khi tốt nghiệp. Để đạt mục tiêu đó có thể không nhất thiết phải trả học phí đại học cao ở một nước phương Tây.

Ấn Độ và "phần còn lại của thế giới"

Tất nhiên, Ấn Độ là một thị trường được cả bốn quốc gia điểm đến lớn nói tiếng Anh rất quan tâm do quy mô của nó - trên thực tế, dân số nước này được Liên Hợp Quốc dự báo sẽ vượt Trung Quốc vào năm 2027. Tuy nhiên, Ấn Độ sẽ không phải là Trung Quốc tiếp theo: tầng lớp trung lưu của Ấn Độ không phát triển nhanh như vậy và thị trường bị phân mảnh nhiều hơn; những người trẻ tuổi ở phía nam được cho là quan tâm đến các lĩnh vực liên quan đến STEM, trong khi nhiều người trẻ ở khu vực phía bắc lựa chọn các chương trình kinh doanh. Những trường đại học quan tâm đến việc tuyển sinh từ Ấn Độ cần phát triển các chiến lược phù hợp với các khu vực khác nhau ở Ấn Độ, thay vì dựa vào một-cách-tiếp-cận-dành-cho-tất-cả. Vì vậy, ngay cả khi chú ý nhiều hơn đến đất nước Nam Á này, việc chuyển đổi từ sự quan tâm sang tuyển sinh có thể mất một thời gian.

Ngoài ra, còn có một thị trường được gắn mác rộng rãi là "phần còn lại của thế giới", nghĩa là những quốc gia không phải là Trung Quốc hay Ấn Độ. Những quốc gia này không hứa hẹn quy mô lớn như Trung Quốc, và đòi hỏi những chiến lược tiếp cận phải được tính toán kỹ lưỡng hơn so với chiến lược cho Ấn Độ. Nói chung, đối với sinh viên từ một số quốc gia Đông Á và châu Âu, chuyển đổi tín chỉ có thể là một thách thức, còn sinh viên từ các quốc gia ở Mỹ Latinh có thể gặp khó khăn với tiếng Anh và không đủ khả năng chi trả học phí. Châu Phi là một khu vực có nhiều hứa hẹn do có dân số trẻ khổng lồ, nhưng nạn tham nhũng trong các chính phủ và thiếu thốn nguồn tài chính là những trở ngại ghê gớm đối với việc tuyển sinh từ lục địa này.

Tính bền vững trong bối cảnh nhiều biến động địa chính trị

Như vậy, giáo dục đại học quốc tế đang đứng đầu trong một thế giới hậu Trung Quốc? Vâng, trong khi chúng ta đang xem xét triển vọng này, cảnh quan đã trở nên mất ổn định do những biến động địa chính trị, và sự khó lường của những thế lực này có khả năng phá hủy cả những chiến lược sắc bén nhất và được hoạch định tốt nhất. Sinh viên quốc tế, bất kể từ nước nào, sẽ bỏ qua Vương quốc Anh thời hậu Brexit, hay vẫn bị hấp dẫn bởi các quyền làm việc sau khi tốt nghiệp? Bất ổn chính trị và xã hội ở Hồng Kông sẽ ảnh hưởng thế nào đến quyết định của sinh viên nước ngoài lựa chọn du học ở đó? Cuộc bầu cử tổng thống sắp tới sẽ tác động thế nào đến sức hấp dẫn của việc du học ở Hoa Kỳ? Và, sau những vụ hỏa hoạn gần đây ở Úc, liệu biến đổi khí hậu có trở thành một yếu tố quan trọng để sinh viên đưa ra quyết định lựa chọn điểm đến du học?

Vâng, nói tóm lại, trong một thế giới hậu Trung Quốc, đa dạng hóa là chìa khóa cho sự bền vững, cho dù đó là chiến lược tuyển sinh riêng lẻ của các trường đại học hay là chính sách chung lớn hơn của một quốc gia. Tuy nhiên, khi xem xét hàng loạt các yếu tố mà thị trường hiện đang trù tính, khó mà nói rằng đó sẽ là giải pháp duy nhất. Trong môi trường phức tạp và nhiều sắc thái ngày nay, điều chắc chắn duy nhất là sinh viên đang tìm kiếm giá trị và lợi ích từ khoản đầu tư học phí của họ. Nếu chúng ta tập trung vào những người trẻ này và tập trung năng lực để giúp họ đạt được mục tiêu, đó chắc chắn sẽ là một chiến lược mang lại kết quả lâu dài cho tất cả mọi người.

Sinh viên Trung Quốc lo ngại về việc học tập tại Hoa Kỳ

Xiaofeng Wan

Xiaofeng Wan là Phó Ban tuyển sinh và là Điều phối viên tuyển sinh quốc tế tại Amherst College, Amherst, MA, Hoa Kỳ. E-mail: xwan@amherst.edu.

Tại một hội thảo với sự tham gia của một nhóm hiệu trưởng các trường trung học Trung Quốc do Amherst College và Williams College tổ chức tại Thượng Hải vào mùa hè năm ngoái, một vị hiệu trưởng nêu lên mối lo ngại về việc liệu Hoa Kỳ còn tiếp nhận sinh viên Trung Quốc nữa hay không. Chúng tôi trấn an ông rằng các tổ chức giáo dục đại học ở Hoa Kỳ vẫn chào đón tất cả sinh viên quốc tế. Tuy nhiên, vị hiệu trưởng này dường như không hoàn toàn bị thuyết phục, và điều đáng buồn là, chúng tôi hiểu vì sao lại có sự ngần ngại đó.

Trong suốt chuyến đi kéo dài hai tuần, chúng tôi liên tục được hỏi về những vấn đề liên quan đến việc học tập tại Hoa Kỳ đang khiến phụ huynh và học sinh lo ngại, bao gồm những khó khăn khi xin cấp thị thực sinh viên, tình trạng bạo lực thường xuyên và các vụ nổ súng hàng loạt, sự việc sinh viên Trung Quốc bị trục xuất tại sân bay, học phí tăng vọt của các trường đại học Hoa Kỳ, sự chậm trễ trong việc cấp giấy phép OPT (chương trình thực tập tùy chọn) và cải cách thị thực H-1B không rõ ràng. Những tuyên bố

Tóm tắt

Trong một cuộc khảo sát gần đây, 87% các cố vấn về giáo dục đại học ở Trung Quốc nói rằng học sinh và phụ huynh của họ hiện đang suy nghĩ lại về ý định học tập tại Hoa Kỳ. 85% trong số họ cho rằng nguyên nhân dẫn đến xu hướng mới này là những tuyên bố thù địch và những chính sách khó đoán của Trump đối với sinh viên Trung Quốc. Điều này đã thúc đẩy sinh viên Trung Quốc tìm điểm đến thay thế, và như vậy trực tiếp mang lại lợi ích cho những quốc gia đối thủ của Hoa Kỳ. Bất chấp viễn cảnh bi quan, Hoa Kỳ, đặc biệt là các trường đại học thuộc топ trên của Hoa Kỳ, vẫn là lựa chọn hàng đầu của nhiều sinh viên Trung Quốc.

Kết quả cho thấy một con số khổng lồ là 87% các cố vấn nói rằng học sinh Trung Quốc và phụ huynh của họ hiện đang suy nghĩ lại về ý định đi du học ở Hoa Kỳ và đang cân nhắc thêm những lựa chọn khác để thay thế.

chống người nhập cư liên tục của chính quyền Trump, việc đe dọa dừng cấp thị thực sinh viên cho tất cả sinh viên Trung Quốc, và lời lẽ ám chỉ "hầu hết sinh viên [Trung Quốc] đến nước này đều là gián điệp" đều không tạo được sự đồng cảm từ những người ở bên kia địa cầu.

Trong cuộc khảo sát gần đây do nhóm tuyển sinh quốc tế tại Amherst College thực hiện và nhắm đến 54 cán bộ tư vấn về giáo dục đại học tại các trường trung học ở Trung Quốc, 85% số người được hỏi chỉ ra rằng mối lo ngại lớn nhất của phụ huynh Trung Quốc là chính sách không thể đoán trước của Trump đối với sinh viên người Trung Quốc; 78% lo lắng về an ninh; 65% không tin chắc sẽ có cơ hội làm việc ở Hoa Kỳ sau khi tốt nghiệp; và 65% khác cho biết họ sợ bị từ chối thị thực hoặc bị trục xuất khi đến nơi.

Xem xét các lựa chọn thay thế

Kết quả cho thấy một con số khổng lồ là 87% các cố vấn nói rằng học sinh Trung Quốc và phụ huynh của họ hiện đang suy nghĩ lại về ý định đi du học ở Hoa Kỳ và đang cân nhắc thêm những lựa chọn khác để thay thế. Một nhân viên tư vấn cho biết: "Sinh viên của chúng tôi đã lên kế hoạch học đại học ở Mỹ từ nhiều năm trước. Tuy nhiên, một số lượng đáng kể trong số họ hiện cũng đang tìm hiểu về các quốc gia điểm đến khác nữa, chẳng hạn như Vương quốc Anh, Canada và Úc". Đây là tin xấu cho Hoa Kỳ.

Đồng thời, trong khi sinh viên quốc tế cảm thấy lo ngại trước những tuyên bố thù địch của chính quyền Trump, các quốc gia cạnh tranh đã tăng cường nỗ lực tuyển sinh sinh viên từ Trung Quốc, và trong vài năm qua đã đạt những tiến bộ đáng kể. Từ năm 2017 đến 2018, Canada chứng kiến sự gia tăng 33% số lượng sinh viên từ Trung Quốc. Sinh viên Trung Quốc hiện chiếm một phần ba tổng số sinh viên quốc tế ở đó, mỗi năm bơm năm tỷ đô la Canada vào nền kinh tế. UCAS - Dịch vụ Tuyển sinh Đại học và Cao đẳng, một tổ chức có trụ sở tại Vương quốc Anh điều phối quy trình đăng ký học tập trong các trường đại học Anh - gần đây đã báo cáo mức tăng 33% số lượng đơn đăng ký từ Trung Quốc, và số lượng đăng ký được chấp nhận tăng 28% kể từ năm 2018. Một chuyên gia tư vấn đã minh họa xu hướng này bằng câu nói: "Trong gần 10 năm làm việc trong các trường quốc tế ở Trung Quốc và Thụy Sĩ, tôi chưa bao giờ thấy nhiều đại diện của Vương quốc Anh đến thăm trường chúng tôi như trong ba tuần qua."

Một số chuyên gia tư vấn chỉ ra mức học phí đắt đỏ của các trường đại học tại Hoa Kỳ cũng là một mối quan tâm lớn. Với cuộc chiến thương mại đang diễn ra, giá trị đồng tiền Trung Quốc đã giảm xuống mức thấp nhất trong 11 năm qua. Điều này khiến cho việc theo đuổi nền giáo dục đại học Mỹ trở thành quá sức. Sinh viên quốc tế chỉ phải trả số tiền bằng một nửa như vậy, thậm chí ít hơn nếu họ chọn học đại học ở Canada hoặc Vương quốc Anh. Quy định Làm việc Sau Tốt nghiệp (PSW) được áp dụng trở lại ở Vương quốc Anh giờ đây cho phép sinh viên quốc tế làm việc tại đây trong hai năm sau khi tốt nghiệp, bắt đầu từ lứa sinh viên tốt nghiệp năm 2021. Những thay đổi trong quy định tình cờ được đưa ra đồng thời với thông báo về dự án nghiên cứu di truyền lớn nhất thế giới nhằm chống lại các căn bệnh chết người. Khi được hỏi liệu lựa chọn PSW mới ở Vương quốc Anh có ảnh hưởng đến quyết định của những sinh viên Trung Quốc đang tìm hiểu về các

trường đại học Hoa Kỳ hay không, 78% các chuyên gia tư vấn được khảo sát trả lời là có.

Sự cởi mở của Vương quốc Anh đối với sinh viên quốc tế hoàn toàn trái ngược với quốc gia thuộc địa cũ của nó. Vào tháng sáu năm 2018, chính quyền Trump đã khôi phục chính sách của thời Obama về việc cấp thị thực 5 năm cho sinh viên Trung Quốc, do đó hạn chế thời gian lưu trú chỉ còn một năm đối với sinh viên trong các lĩnh vực công nghệ cao như robot, hàng không và sản xuất công nghệ cao. Sự thay đổi trong chính sách của Hoa Kỳ được đưa ra vào lúc những lĩnh vực này được coi là ưu tiên trong Kế hoạch Sản xuất ở Trung quốc 2025 của Bắc Kinh nhằm biến Trung Quốc thành một siêu cường sản xuất. Do đó, những sinh viên Trung Quốc đang theo học những lĩnh vực công nghệ cao này trong các trường đại học Hoa Kỳ ngày càng lo ngại khi đi về Trung Quốc trong thời gian học, vì sợ không được phép quay lại.

Học sinh Trung Quốc có kế hoạch học đại học ở nước ngoài vẫn tăng

Theo một công ty nghiên cứu về giáo dục quốc tế có trụ sở tại Bắc Kinh, năm 2018 tại Trung Quốc đã có hơn 820 trường quốc tế, với tổng số học sinh hơn 480 ngàn. Hầu hết, nếu không phải tất cả, những học sinh này có kế hoạch học đại học ở nước ngoài. Khi học sinh Trung Quốc lựa chọn theo học chương trình quốc tế ở trường trung học, về cơ bản, họ mất quyền tham gia kỳ thi tuyển sinh đại học vào các trường đại học Trung Quốc. Không đủ điều kiện để vào các trường đại học trong nước, họ đặt hy vọng vào một trường cao đẳng ở nước ngoài.

Hoa Kỳ đã nhận ra vấn đề. Caroline Casagrande, Phó Trợ lý thư ký về các chương trình học thuật tại Vụ Giáo dục và Văn hóa thuộc Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, đã đăng một video trên tài khoản WeChat chính thức của Đại sứ quán Hoa Kỳ. Trong đó, bà khẳng định: "Phần lớn đơn xin cấp thị thực sinh viên đều được thông qua. Trên thực tế, hàng năm, trong 5 năm qua, ở Trung Quốc số lần từ chối thị thực du học đã giảm. Tôi ở đây... để đảm bảo chúng tôi tiếp tục có được những học sinh Trung Quốc giỏi nhất và thông minh nhất trong các lớp học ở Mỹ". Video thu hút hơn 48 ngàn lượt xem trong hai tuần đầu tiên sau khi được đăng lên.

Khi được yêu cầu dự đoán xu hướng tăng trưởng số lượng sinh viên Trung Quốc trong vài năm tới, 43% các chuyên gia tư vấn tham gia cuộc khảo sát dự đoán rằng sẽ giảm, trong khi 38% dự đoán sẽ tương đương với con số hiện tại. Chỉ có một chuyên gia tư vấn trong số 54 người cho rằng số lượng sẽ tăng.

Bức tranh không hoàn toàn u ám

Trong khảo sát của chúng tôi, 70% các chuyên gia tư vấn chia sẻ rằng nếu sinh viên của họ được nhận vào những trường đại học tương đương ở Hoa Kỳ và các quốc gia khác, hầu hết sẽ chọn Hoa Kỳ. Một chuyên gia tư vấn nói thêm, đặc biệt là những sinh viên nộp đơn vào những trường chọn lọc. Khi được hỏi đâu là những đặc điểm hấp dẫn nhất của giáo dục đại học Hoa Kỳ, các chuyên gia tư vấn đã liệt kê "sự pha trộn" của xã hội và tính đa dạng của sinh viên; tài nguyên học tập và nghiên cứu phong phú; sinh viên có thể linh hoạt lựa chọn và thay đổi chuyên ngành; giáo dục khai phóng;

tự do học thuật; giáo dục chất lượng cao với các giáo sư đẳng cấp thế giới, cũng như lợi thế cạnh tranh trong thị trường việc làm và các cơ hội kết nối mạnh mẽ. Những đặc tính này luôn là điều khiến cho giáo dục đại học Hoa Kỳ hấp dẫn.

Công nhận bằng cấp chuyên môn toàn cầu

Stamenka Uvalić-Trumbić

Stamenka Uvalić-Trumbić là Cựu Trưởng Ban Giáo dục đại học, UNESCO, và là cố vấn cao cấp về các vấn đề quốc tế, Hội đồng Kiểm định Giáo dục Đại học - CHEA. E-mail: suvalictrumbic@gmail.

Vào ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại Paris, đại diện chính phủ của 193 quốc gia thành viên UNESCO đã thông qua Công ước toàn cầu về Công nhận Bằng cấp Liên quan đến Giáo dục Đại học. Sự việc những quốc gia - thành viên UNESCO - rất khác nhau có thể đạt được thỏa thuận cho thấy không nên coi nhẹ những nội dung vốn là đặc quyền quốc gia như việc công nhận bằng cấp và đảm bảo chất lượng trong giáo dục đại học.

Tuy nhiên, giá trị chính của Công ước nằm ở những nguyên tắc cơ bản. Nó nhấn mạnh những quyền lớn hơn của ứng viên được đánh giá trình độ kiến thức cho mục đích tiếp tục học tập nghiên cứu hoặc làm việc. Việc công nhận phải không phân biệt đối tượng và được thực hiện một cách công bằng, minh bạch và kịp thời. Sự công nhận chỉ có thể bị rút lại nếu cơ quan có thẩm quyền của nước tiếp nhận cung cấp được bằng chứng về sự khác biệt đáng kể giữa hai hệ thống giáo dục đại học của quốc gia gửi và quốc gia tiếp nhận.

Những yếu tố mới của Công ước là tính xác thực, nhất quán và bổ sung cho nhau của việc công nhận bằng cấp, đảm bảo chất lượng và khung bằng cấp. Nó hướng đến các hình thức học tập phi truyền thống, chú trọng vào kết quả học tập và thừa nhận những quá trình học tập trước đó. Trọng tâm lớn nhất là thông tin minh bạch và mạng lưới, nhờ đó hình thành một cộng đồng quốc tế các chuyên gia công nhận và thúc đẩy họ hợp tác chặt chẽ với các chuyên gia đảm bảo chất lượng quốc tế (những người thông thạo hơn về mạng lưới quốc tế). Trong những năm 1990, công nhận bằng cấp và đảm bảo chất lượng hoạt động trên hai kênh riêng rẽ, còn hiện nay, sự tin cậy và tôn trọng lẫn nhau là những yếu tố cơ bản để thành công.

Mặc dù là một công ước quốc tế - và hiện là công ước duy nhất về giáo dục đại học, các quy định của công cụ pháp lý này không mang tính siêu quốc gia như thường thấy. Trong hầu hết các điều khoản, phiên bản được thông qua luôn nhấn mạnh rằng các quy định cần dựa trên luật pháp hiện hành của các quốc gia và khuyến cáo về việc thực thi "trong phạm vi có thể." Bản thân công ước này cung cấp một khuôn khổ toàn cầu rất cần thiết cho hoạt động công nhận bằng cấp, với quyền kháng cáo của các quốc gia thành viên.

Công bằng hơn cho những người dễ bị tổn thương nhất

Chú trọng đến vấn đề công bằng, Công ước hướng đến việc giải quyết nhu

Tóm tắt

Vào tháng 11 năm 2019, Đại hội đồng UNESCO đã thông qua Công ước toàn cầu về Công nhận Bằng cấp. Công ước này là kết quả sau tám năm làm việc của các chuyên gia, những sửa đổi do chính phủ các nước đề xuất và sự thống nhất trên văn bản. Bài viết này cung cấp thông tin về nguồn gốc của Công ước, những đổi mới mà nó mang lại cho việc dịch chuyển và di cư quốc tế, và các bước tiếp theo cần thực hiện.

cầu của một bộ phận dân số dễ bị tổn thương, người tị nạn và người di cư, bằng cách tạo cho họ cơ hội tiếp tục học tập tại những quốc gia tiếp nhận họ (theo UNESCO, đã có 70,8 triệu người trên thế giới bị buộc phải di dời vào năm 2018, chỉ 3% người tị nạn có đầy đủ văn bằng học vấn được tiếp cận giáo dục đại học một cách công bằng). Công ước đi kèm với một công cụ cụ thể, Hộ chiếu Trình độ Chuyên môn của UNESCO Dành cho Người Tị nạn và Người Di cư Dễ bị tổn thương (UQP), dựa trên phương pháp của sáng kiến Hộ chiếu Bằng cấp châu Âu do Cơ quan Đảm bảo Chất lượng Giáo dục Na Uy (NOKUT) đề xuất.

UNESCO đã hợp tác với Cơ quan kiểm định chất lượng Zambia, NOKUT và UNHCR triển khai thành công đợt cấp phát UQP đầu tiên vào tháng 9 năm 2019 tại Zambia. Ba mươi ứng viên đã được kiểm tra trình độ và 12 người được nhận UQP. UQP không thay thế cho bằng cấp còn thiếu, nhưng có giá trị trong 5 năm, điều này mang đến cho những người mang loại hộ chiếu này cơ hội thích nghi với môi trường mới.

Những bước tiếp theo

Những bước tiếp theo của Công ước toàn cầu này bao gồm phân phối các bản sao được chứng thực của công ước cho các quốc gia thành viên và bắt đầu quá trình phê chuẩn và có hiệu lực, sau khi công cụ phê chuẩn thứ 20 được chấp nhận tại UNESCO. Những quốc gia tiếp nhận nhiều sinh viên quốc tế như Úc và Canada và một số lớn các nước châu Âu, trong đó Na Uy là nước lên tiếng mạnh mẽ nhất, đã bày tỏ sự đồng tình đối với Công ước và mong muốn đẩy nhanh quá trình phê chuẩn. Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (đặc biệt là Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc) thể hiện sự ủng hộ nhiều nhất, cũng như hầu hết các nước châu Phi. Đáng tiếc là Hoa Kỳ, do không còn là thành viên của UNESCO, sẽ không tham gia vào Công ước này.

Hướng tới một thế giới tốt đẹp hơn?

Vì sao một công ước toàn cầu lại được thông qua vào thời điểm quốc tế hóa giáo dục đại học đang thay đổi dưới tác động của chủ nghĩa dân túy và bài ngoại và sự mất niềm tin chung vào các trường công? Một trong những lý do là ý thức về quyền sở hữu. Công ước toàn cầu sẽ được thực hiện trong sự hợp tác chặt chẽ với Hội đồng châu Âu/công ước Công nhận Lisbon 1997 của UNESCO và những công ước khu vực mới được sửa đổi gần đây (Công ước Tokyo 2011 cho châu Á-Thái Bình Dương; Công ước Addis Ababa 2014 cho châu Phi; Công ước Buenos Aires cho Mỹ và vùng Caribe, thay thế cho những công ước khu vực từ những năm 1970). Lý do thứ hai là cần thừa nhận việc tách biệt giáo dục đại học và số hóa giáo dục, bao gồm cả việc cấp chứng chỉ mới, thông qua khuôn khổ công nhận toàn cầu. Lý do thứ ba là số lượng người di cư ngày càng tăng. Theo Báo cáo Di cư Quốc tế, năm 2017 ước tính có khoảng 258 triệu người sống bên ngoài tổ quốc của họ, tăng 49% kể từ năm 2000. Lý do cuối, công ước này hoàn thành mục tiêu của UNESCO về phổ cập toàn cầu công nhận văn bằng giáo dục đại học và tôn vinh những hoạt động xác định giá trị tương đương của bằng cấp bắt đầu ngay từ khi chương trình đào tạo đại học về công nhận được hình thành vào năm 1947.

Công ước hướng đến việc giải quyết nhu cầu của một bộ phận dân số dễ bị tổn thương, người tị nạn và người di cư, bằng cách tạo cho họ cơ hội tiếp tục học tập tại những quốc gia tiếp nhận họ.

Mặc dù có thể chưa hoàn hảo, hiệu quả và tác động của nó cũng chưa chắc chắn, việc áp dụng công ước đặc biệt này mang lại nhiều hy vọng. Vào thời điểm mà chủ nghĩa đa phương đang bị đe dọa, trên thế giới còn tồn tại nhiều bất bình đẳng và các xã hội đang tự cô lập mình, Công ước này mở ra một thế giới tốt hơn cho du học sinh, cho các nhà nghiên cứu và giảng viên. Thành công của nó sẽ phụ thuộc vào ý chí của các quốc gia tham gia, nhưng còn phụ thuộc nhiều hơn vào sự sẵn sàng chia sẻ thực hành xuyên biên giới của các chuyên gia công nhận.

Công nhận trình độ chuyên môn của người tị nạn

Beatrice Kohlenberg và Bryce Loo

Beatrice Kohlenberg là Quản lý cấp cao của Chương trình WES Gateway Dịch vụ Giáo dục Thế giới (World Education Services - WES), Canada. E-mail: bkohlenberg@wes.org. Bryce Loo là Giám đốc nghiên cứu tại WES, Hoa Kỳ. E-mail: bloo@wes.org.

Trong số hàng triệu người tị nạn trên toàn thế giới, nhiều người có bằng cấp sau trung học hoặc đủ điều kiện học lực để học đại học. Ở Bắc Mỹ, châu Âu và các nơi khác, các tổ chức giáo dục đại học, hiệp hội nghề nghiệp, các chính phủ và các tổ chức khác đã cố gắng tìm cách giảm bớt hoặc loại bỏ những rào cản mà những người như vậy phải đối mặt khi họ mong muốn theo đuổi giáo dục đại học hoặc tìm những công việc cần đến những kỹ năng đã được đào tạo trước đó. Một trong số những rào cản này là việc đánh giá và công nhận năng lực học thuật khi họ không thể cung cấp những giấy tờ chính thức, đầy đủ. Bài viết này xem xét những nỗ lực giải quyết rào cản này ở Canada và Hoa Kỳ, cũng như của UNESCO.

Những thách thức mà người tị nạn là sinh viên hoặc có trình độ đại học phải đối mặt

Vì vô số lý do, người tị nạn, tị nạn chính trị và những người rời bỏ đất nước do thiên tai thường khó đáp ứng các yêu cầu tiêu chuẩn đánh giá trình độ học thuật. Chẳng hạn, họ có thể không kịp mang theo giấy tờ chứng nhận khi buộc phải trốn chạy. Cũng rất khó lấy được các văn bằng chính thức từ những tổ chức phát hành do hệ thống giáo dục không đủ khả năng quản lý hồ sơ lưu trữ và đáp ứng các yêu cầu của sinh viên tốt nghiệp.

Đối với những cá nhân này, việc thiếu bằng chứng về trình độ học vấn là một thách thức phải vượt qua, khi họ tìm cách xây dựng cuộc sống mới ở một đất nước mới. Không có bằng chứng, việc tìm kiếm việc làm tương xứng hoặc tiếp tục học tập cao hơn để có được một sự nghiệp ý nghĩa thường là không thể. Nhiều người bị mắc kẹt trong những công việc không sử dụng hết những kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm của họ.

Tóm tắt

Cuộc khủng hoảng người tị nạn trên toàn thế giới hiện nay đã thúc đẩy việc nghiên cứu cơ hội tiếp cận và hòa nhập của người tị nạn vào giáo dục đại học ở các nước tiếp nhận. Để tiếp cận giáo dục đại học việc có đủ bằng cấp, được đánh giá và công nhận trình độ học lực là vô cùng quan trọng. Những người có trình độ đại học muốn được tuyển dụng vào vị trí đúng chuyên môn cũng gặp khó khăn tương tự. Một số sáng kiến tỏ ra hứa hẹn, đặc biệt khi UNESCO và hệ thống Liên Hợp Quốc nói chung bắt đầu giải quyết những thách thức trên quy mô toàn cầu.

Công ước Công nhận Lisbon

Những nỗ lực của Bắc Mỹ và châu Âu nhằm loại bỏ những rào cản liên quan đến trình độ học vấn của người nhập cư xuất phát chủ yếu từ một thỏa thuận quốc tế năm 1997 gọi là Công ước về Công nhận Trình độ Chuyên môn Giáo dục Đại học ở Khu vực châu Âu, thường được gọi là Công ước Lisbon (LRC). Phần 7 của LRC cam kết các bên tham gia sẽ xây dựng "những quy trình được thiết kế để đánh giá một cách công bằng và nhanh chóng cho dù người tị nạn, người di cư và những người có hoàn cảnh tương tự không đáp ứng đủ những yêu cầu liên quan để tiếp cận giáo dục đại học, các chương trình sau đại học hay yêu cầu tuyển dụng, ngay cả trong trường hợp những đối tượng nêu trên không có đủ bằng chứng là văn bản để chứng minh trình độ chuyên môn họ đã được đào tạo".

LRC cũng giúp hệ thống hóa một loạt các trung tâm thông tin quốc gia về trình độ giáo dục quốc tế, được gọi chung là Mạng NARIC ENIC. Theo quy định của LRC, mỗi quốc gia ký kết phải có một trung tâm thông tin quốc gia tham gia vào mạng lưới này. Chính những tổ chức này đã thực hiện phần lớn những thay đổi gần đây liên quan đến đánh giá và công nhận trình độ cho những người thiếu giấy tờ xác nhận chính thức. Ví dụ, Mạng NARIC ENIC toàn châu Âu đã hợp tác để phát triển Hộ chiếu Chứng nhận Năng lực Chuyên môn Châu Âu cho Người tị nạn (EQPR), một quy trình đánh giá thay thế cho việc đánh giá trình độ thông qua bằng cấp và phỏng vấn ứng viên.

Cách ứng phó của Canada trước thách thức đánh giá và công nhận

Từ khi bắt đầu thực hiện việc tái định cư quy mô lớn cho người tị nạn Syria vào cuối năm 2015, Canada đã có những bước tiến để cải thiện việc công nhận trình độ học vấn của người tị nạn. Canada chính thức phê chuẩn LRC năm 2018. Việc phê chuẩn buộc Canada phải phát triển các phương pháp đánh giá trình độ cho người tị nạn, ngay cả khi họ không có đầy đủ văn bằng chứng nhận chính thức.

Trước khi Canada phê chuẩn LRC, tổ chức thành viên mạng NARIC-ENIC của Canada, NICIC, Trung tâm Thông tin Quốc tế Canada (CICIC), đã tiến hành các cuộc thảo luận cấp cao với các bên liên quan chính ở khắp Canada về chủ đề đánh giá trình độ học vấn của người tị nạn. Sáng kiến Đánh giá Trình độ Chuyên môn của Người tị nạn do CICIC dẫn đầu đã tìm cách phát triển những thực tiễn đánh giá tốt nhất trong bối cảnh của Canada và được chính phủ liên bang tài trợ.

Sáng kiến chính mà Canada áp dụng để xác định và thực hiện các thực tiễn đó đến từ Dịch vụ Giáo dục Thế giới (WES), một tổ chức đánh giá trình độ hàng đầu hoạt động tại Canada và Hoa Kỳ. Chương trình WES Gateway cung cấp đánh giá trình độ cho những cá nhân phải rời bỏ tổ quốc vì tình trạng bất ổn chính trị, xung đột hoặc thiên tai, và cũng là những người không thể cung cấp những loại giấy tờ có thể kiểm chứng.

Trong một dự án thí điểm một năm, WES đã hình thành phương pháp đánh giá dựa trên những giấy tờ thuộc sở hữu cá nhân của ứng viên và làm việc với các đối tác giới thiệu cộng đồng để giúp đưa ứng viên vào chương trình. Dựa trên hồ sơ lưu trữ về giáo dục và tài liệu mẫu có giá trị 45 năm trong cơ sở dữ liệu của mình và sử dụng chuyên môn về đánh giá trình độ, WES có thể truy cập đến những tài liệu có bảng điểm và "tái cấu trúc" bằng cấp và đưa ra những đánh giá trong trường hợp các ứng viên chỉ cung cấp được rất ít giấy tờ. Kết quả là, 337 người tị nạn Syria đã được đánh giá trình độ học thuật.

Từ khi bắt đầu thực hiện việc tái định cư quy mô lớn cho người tị nạn Syria vào cuối năm 2015, Canada đã có những bước tiến để cải thiện việc công nhận trình độ học vấn của người tị nạn

Sự thành công của dự án này đã khích lệ WES thiết lập một chương trình toàn diện dành cho những cá nhân đủ điều kiện từ các quốc gia khác. Chương trình WES Gateway đã được triển khai vào cuối mùa thu 2018 tại Canada, phục vụ những khách hàng có trình độ từ bảy quốc gia nơi việc tiếp cận các tài liệu xác nhận học thuật vẫn còn nhiều vấn đề: Afghanistan, Eritrea, Iraq, Syria, Thổ Nhĩ Kỳ, Ukraine và Venezuela. Trong năm qua, 452 cá nhân đã nhận được đánh giá thông qua Chương trình WES Gateway. Sáu mươi trong số họ đã gửi những đánh giá này đến các trường đại học ở Canada.

Phản ứng của Hoa Kỳ

Hoa Kỳ không có nhiều hành động nhằm giải quyết những thách thức trong việc đánh giá và công nhận trình độ. Tiến bộ bị cản trở bởi lĩnh vực giáo dục đại học của Hoa Kỳ lớn hơn và phân tán hơn, cũng như môi trường xã hội chính trị khắc nghiệt hơn liên quan đến nhập cư và người tị nạn. Một tổ chức giáo dục đại học Hoa Kỳ là Hiệp hội Đăng ký và Tuyển sinh Đại học Hoa Kỳ (AACRAO) đã lập ra một nhóm chuyên gia tập trung vào chủ đề nhập học (cụ thể là những yêu cầu về trình độ) để giúp người tị nạn theo đuổi giáo dục đại học Hoa Kỳ. Đầu năm 2019, AACRAO đã phát hành một báo cáo tổng hợp những hiểu biết và khuyến nghị của nhóm này nhằm loại bỏ những rào cản công nhận trình độ trong quá trình tiếp nhận sinh viên tị nạn vào các trường cao đẳng và đại học Hoa Kỳ.

AACRAO cũng hợp tác với Đại học California, Davis và Đại học Hoa Kỳ Beirut ở Lebanon để phát triển chương trình lưu trữ trực tuyến đám mây dành cho các loại tài liệu xác nhận học thuật và chuyên môn của người tị nạn. Hệ thống lưu trữ này được gọi là Điều 26 Backpack (Điều 26 đề cập đến điều khoản trong Tuyên ngôn Quốc tế về Quyền Con người bảo đảm quyền học tập của mọi người). Những giấy tờ xác nhận được lưu trữ trong Backpack có thể truy cập được ở bất cứ đâu trên thế giới cho bất kỳ nhu cầu nào, bao gồm bản đánh giá của một tổ chức đánh giá trình độ, giấy nhập học đại học, hoặc xác nhận tuyển dụng. Cho đến nay, chương trình được thí điểm chủ yếu ở Lebanon với người tị nạn Syria. Và đã được lên kế hoạch triển khai rộng rãi hơn, bao gồm cả ở Hoa Kỳ.

Hướng tới sự hưởng ứng trên toàn thế giới

Ngày càng nhiều nước thể hiện sự quan tâm đến việc đảm bảo cho người di cư trên toàn cầu, bao gồm cả người tị nạn, có quyền tiếp cận sự đánh giá công bằng về trình độ học vấn. Vào tháng mười một năm 2019, UNESCO đã thúc đẩy việc ký kết Công ước Toàn cầu về Công nhận Bằng cấp Giáo dục Đại học. Giống như LRC và các công ước khu vực khác, Công ước Toàn cầu đòi hỏi những quốc gia tham gia đánh giá bằng cấp từ những quốc gia khác một cách công bằng. Công ước cũng đặt ra yêu cầu người tị nạn phải nhận được sự đánh giá công bằng trình độ của họ, ngay cả khi họ không có đầy đủ giấy tờ chứng thực. Với động lực này và bằng cách xác định và áp dụng những thực tiễn tốt nhất vào việc đánh giá và công nhận nhiều quốc gia và các tổ chức giáo dục đại học có thể tìm ra cách đánh giá và công nhận trình độ học vấn cho những sinh viên và chuyên gia tị nạn xứng đáng, điều này đem lại lợi ích cho cả hai phía, những cá nhân này và quốc gia nơi tiếp nhận họ.

Đo lường tác động của các chính sách hỗ trợ sự công bằng

Jamil Salmi

Jamil Salmi là Chuyên gia giáo dục đại học toàn cầu, Giáo sư danh dự về chính sách giáo dục đại học tại Đại học Diego Portales ở Chile, và là Nghiên cứu viên tại Trung tâm Giáo dục Quốc tế, Boston College, Hoa Kỳ. E-mail: jsalmi@tertiaryeducation.org.

Một nghiên cứu năm 2018 được tài trợ bởi Quỹ Lumina, All Around The World, đã xem xét những cam kết chính sách của chính phủ các quốc gia nhằm thúc đẩy sự bình đẳng trong cơ hội tiếp cận và thành công trong giáo dục đại học. Nghiên cứu cho thấy, ngoại trừ một vài quốc gia yếu ớt đang cố gắng phục hồi sau thảm họa tự nhiên hoặc khủng hoảng chính trị lớn, công bằng là một chủ đề ưu tiên trong các diễn ngôn về giáo dục đại học của hầu hết các chính phủ.

Để chuẩn bị cho Ngày Thế giới Tiếp cận Giáo dục Đại học (26 tháng 11 năm 2019) năm nay, Quỹ Lumina đã tài trợ cho một nghiên cứu tiếp theo để tìm hiểu những chính sách được xem là thành công nhất trong việc thúc đẩy sự công bằng. Nghiên cứu mới sử dụng phương pháp hỗn hợp kết hợp giữa tổng quan tài liệu về các phương pháp đo lường tác động của những chính sách công bằng trong giáo dục đại học và nghiên cứu tập trung vào một số mẫu nhỏ các quốc gia đại diện cho các châu lục: Úc, Áo, Colombia, Nam Phi và Việt Nam.

Có rất ít các nghiên cứu quốc tế về sự khác biệt trong giáo dục đại học giữa các nước. Việc lựa chọn các chỉ số để đo lường sự bất bình đẳng bị ảnh hưởng rất nhiều bởi thiếu dữ liệu về các nhóm vốn khác nhau về mức độ bình đẳng. Nhìn chung, các quốc gia có xu hướng tập trung chủ yếu vào dữ liệu đầu vào đại học hơn là kết quả tốt nghiệp. Tóm lại, giới tính và nền tảng kinh tế xã hội là hai biến thường được thu thập trên toàn cầu.

Kết quả nghiên cứu từng quốc gia

Úc nổi bật là một trong số ít những quốc gia trên thế giới có chiến lược công bằng giáo dục đại học toàn diện được hỗ trợ bởi một loạt các chính sách, công cụ và biện pháp với cả hai yếu tố phổ quát và mục tiêu. Úc có hệ thống thông tin tốt cung cấp dữ liệu chi tiết được phân chia theo nhóm bình đẳng. Điều này cho phép nhắm mục tiêu phù hợp, xác định rõ trách nhiệm và tài trợ căn cứ vào hiệu quả. Với HECS-HELP - hệ thống cho vay dựa trên thu nhập - Úc đã đi tiên phong trong việc phát triển một hệ thống tài trợ toàn cầu, vừa bền vững về tài chính vừa công bằng về mặt xã hội. Cơ chế tài trợ toàn cầu, vừa bền vững về tài chính vừa công bằng về mặt xã hội. Cơ chế tài trợ HEPPP là một chất xúc tác dẫn đến những thay đổi về mặt tổ chức bằng cách khuyến khích các trường đại học chú trọng hơn vào các biện pháp đảm bảo sự công bằng cho sinh viên, thúc đẩy sự hiểu biết về những rào cản và hình thành một đội ngũ chuyên gia về các vấn đề công bằng.

Sự thành công của dự án này đã khích lệ WES thiết lập một chương trình toàn diện dành cho những cá nhân đủ điều kiện từ các quốc gia khác. Chương trình WES Gateway đã được triển khai vào cuối mùa thu 2018 tại Canada, phục vụ những khách hàng có trình độ từ bảy quốc gia nơi việc tiếp cận

Tóm tắt

Bài viết này phân tích những yếu tố tác động đến sự bình đẳng ở 5 quốc gia: Úc, Áo, Colombia, Nam Phi và Việt Nam. Các nghiên cứu xác nhận rằng để đạt được những kết quả tích cực về công bằng cần có mức độ liên kết cao giữa lãnh đạo, mục tiêu chính sách, công cụ chính sách và nguồn lực. Nghiên cứu cũng cho thấy sự tương tác của các yếu tố cấu trúc ảnh hưởng đến sự khác biệt trong giáo dục đại học: sự phân luồng trong trường trung học, tính chọn lọc trong tuyển sinh đại học, sự phân tầng trong hệ thống giáo dục đại học và hỗ trợ tài chính cho các nhóm thiệt thòi.

Úc nổi bật là một trong số ít những quốc gia trên thế giới có chiến lược công bằng giáo dục đại học toàn diện được hỗ trợ bởi một loạt các chính sách, công cụ và biện pháp với cả hai yếu tố phổ quát và mục tiêu.

các tài liệu xác nhận học thuật vẫn còn nhiều vấn đề: Afghanistan, Eritrea, Iraq, Syria, Thổ Nhĩ Kỳ, Ukraine và Venezuela. Trong năm qua, 452 cá nhân đã nhận được đánh giá thông qua Chương trình WES Gateway. Sáu mươi trong số họ đã gửi những đánh giá này đến các trường đại học ở Canada.

Áo là một trong số những quốc gia có tỷ lệ nhập học cao nhất, chủ yếu nhờ vào tính chất mở của hệ thống giáo dục đại học và không có rào cản tài chính. Tỷ lệ hai giới khá cân bằng, ngay cả trong các chương trình STEM. Việc thu thập và giám sát dữ liệu giới tính được thiết lập tốt. Phát hiện cuối cùng là các tổ chức giáo dục ở Áo phản ứng tích cực và hiệu quả trước cuộc khủng hoảng tị nạn gần đây.

Tại Colombia, sự hiện diện ngày càng tăng của các trường đại học công và tư trong khu vực đã giúp đạt được sự mở rộng tuyển sinh ấn tượng, với sự tham gia nhiều hơn của sinh viên có thu nhập thấp và từ các nhóm thiểu số. ICETEX - tổ chức cho vay học tập đầu tiên trên thế giới, là công cụ chính xúc tiến bình đẳng ở cấp quốc gia. Các trường đại học công lập hàng đầu thực hiện các hành động can thiệp thúc đẩy bình đẳng thông qua hỗ trợ tài chính và các công cụ phi tiền tệ. Một số trường đại học tư cũng đã thực hiện các chương trình duy trì bình đẳng đáng kể. Chính phủ Colombia đã công nhận các nhóm mục tiêu công bằng mới để nhận diện nạn nhân của bạo lực, các nhóm dân số di cư và đa dạng giới.

Ở Nam Phi, các cơ sở giáo dục đại học phân bố cân bằng hơn về mặt địa lý sau khi kết thúc nạn phân biệt chủng tộc đã giúp thu hút được các nhóm dân số bị thiệt thòi và tăng mạnh số lượng học sinh da đen. Cải thiện việc hỗ trợ những sinh viên có hoàn cảnh khó khăn thông qua các khoản tài trợ và gần đây hơn, việc miễn học phí cho các nhóm xã hội có thu nhập thấp nhất, đã tạo thêm cơ hội tiếp cận giáo dục đại học. Chính phủ đã buộc các trường đại học đa dạng hóa thành phần chủng tộc, và nói chung các trường đại học đã đáp ứng yêu cầu này bằng việc tuyển sinh và tuyển dụng nhân sự đa dạng hơn. Nhận xét cuối cùng là Nam Phi có trường đại học mở lớn nhất lục địa, tạo cơ hội cho những sinh viên không thể tiếp cận các tổ chức giáo dục đại học chính quy.

Tại Việt Nam, việc hệ thống giáo dục đại học mở rộng nhanh chóng đã giúp tăng số lượng sinh viên từ các nhóm dân tộc vốn bị thiệt thòi. Chính sách ưu tiên đã tạo thêm cơ hội vào đại học cho học sinh thuộc các dân tộc thiểu số. Việt Nam cũng đạt được kết quả tốt trong việc thu hẹp khoảng cách giới tính. Điều cuối cùng, việc miễn giảm học phí, cấp học bổng và các khoản cho vay có thể giúp sinh viên nghèo vượt qua những rào cản tài chính.

Những phát hiện chung ở cấp quốc gia

Nghiên cứu 5 quốc gia nói trên đã khẳng định một trong những phát hiện chính của Nghiên cứu Lumina 2018: để đạt được kết quả công bằng mạnh mẽ cần có sự liên kết chặt chẽ giữa tầm nhìn lãnh đạo, mục tiêu chính sách, công cụ chính sách và nguồn lực được phân bổ. Duy trì liên tục chính sách công bằng cũng rất cần thiết. Thường xuyên xảy ra tình trạng chính trị cản trở các chính sách hợp lý. Để cải thiện cơ hội tiếp cận và thành công cho các nhóm xã hội thiệt thòi trong thời gian dài, điều quan trọng là phải kiên định theo đuổi và tiếp tục thực hiện các chính sách công bằng có hỗ trợ tài chính và phi tiền tệ một cách nhất quán, độc lập với việc đảng phái nào đang

cầm quyền. Ngoài ra, nghiên cứu ghi nhận rằng Áo là quốc gia duy nhất trong 5 nước được khảo sát chịu ảnh hưởng và được hỗ trợ bởi các thỏa thuận siêu quốc gia (quy trình Bologna và chương trình nghị sự xã hội của Ủy ban châu Âu).

Cuối cùng, nghiên cứu các trường hợp cụ thể trên đã xác nhận sự tương tác của bốn yếu tố cấu trúc có ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự khác biệt trong giáo dục đại học. Thứ nhất, sự phân biệt giữa lương giáo dục phổ thông và đào tạo nghề trong các trường trung học ảnh hưởng tiêu cực đến cơ hội tiếp cận đại học của học sinh xuất thân từ những gia đình có thu nhập thấp. Chính sách tuyển sinh chọn lọc của các trường đại học là yếu tố thứ hai ảnh hưởng đến cơ hội của học sinh từ các nhóm xã hội thiệt thòi. Yếu tố thứ ba là sự phân tầng trong các hệ thống giáo dục đại học. Yếu tố cuối cùng không kém phần quan trọng là sự hỗ trợ tài chính cho sinh viên từ các nhóm xã hội thiệt thòi.

Những phát hiện chính ở cấp độ tổ chức

Nghiên cứu năm trường hợp điển hình cũng đánh giá tổng quan các phương pháp và thực tiễn ở cấp độ trường trong việc thúc đẩy cơ hội tiếp cận và thành công của những sinh viên thiệt thòi. Nghiên cứu cho thấy các tổ chức giáo dục phải có chiến lược rõ ràng, có thể ở dạng tài liệu độc lập hoặc được nhúng trong kế hoạch chiến lược của tổ chức. Đại học Wollongong và Đại học Deakin ở Úc và Uniminuto ở Colombia là những ví dụ điển hình. Cả ba trường này đều chú trọng đến sự công bằng như một phần nhiệm vụ cốt lõi của họ. Để thành công trong nhiệm vụ này, cần hình thành một bộ phận chịu trách nhiệm về mọi hoạt động liên quan đến công bằng dưới quyền trực tiếp của một nhà lãnh đạo tổ chức. Ở những nước có thu nhập thấp và trung bình, quan hệ đối tác đối mới giữa các tổ chức giáo dục đại học, chính quyền địa phương và các doanh nghiệp địa phương có thể huy động thêm nguồn lực để tài trợ học bổng cho sinh viên nghèo. Ngoài việc đảm bảo tạo thêm nhiều cơ hội tiếp cận, những trường đại học công lập hoặc tư thục mong muốn hòa nhập nhiều thành phần sinh viên hơn nên cố gắng tạo ra một môi trường thân thiện cho lứa sinh viên đầu tiên, những người thường cảm thấy không thoải mái trong văn hóa tổ chức tinh hoa.

Các lĩnh vực nghiên cứu tiếp theo

Những nhà hoạch định chính sách, lãnh đạo các trường đại học và những nhà nghiên cứu quan tâm đến việc thúc đẩy hơn nữa sự công bằng trong giáo dục đại học có thể cân nhắc một số kết quả của nghiên cứu này. Để đi tiếp, điều quan trọng là cần thực hiện những nghiên cứu tác động để đo lường những biện pháp can thiệp và cách thức kết hợp những biện pháp can thiệp hiệu quả nhất, dựa trên nghiên cứu của Geven và Herbaut về các chiến lược hỗ trợ tài chính (IHE #99). Các quốc gia và các tổ chức giáo dục đại học cần điều chỉnh hệ thống thông tin toàn diện để xác định được tất cả các nhóm công bằng và đo lường sự tiến bộ của họ trong khía cạnh tiếp cận và tốt nghiệp. Liên quan đến chênh lệch giới tính, cần xác định các chính sách hiệu quả để cải thiện cân bằng giới trong các trường đại học và chương trình STEM, ở các vị trí học thuật hàng đầu và trong đội ngũ lãnh đạo trường đại

học. Cuối cùng, không thể bỏ qua việc xác định rõ hơn nhu cầu của sinh viên khuyết tật, cung cấp cho họ đủ nguồn lực và trao quyền cho các trường đại học đưa nội dung này vào chương trình nghị sự về công bằng của họ (xem Thompson về các trường đại học dành cho mọi đối tượng trong IHE #100).

Sức hấp dẫn của chính sách miễn học phí

John Aubrey Doulass

John Aubrey Doulass là Nghiên cứu viên cao cấp và là Giáo sư nghiên cứu về Chính sách công và Giáo dục đại học tại Trung tâm Nghiên cứu Giáo dục Đại học (CSHE), Đại học California-Berkeley, Hoa Kỳ. E-mail: douglass@berkeley.edu.

Trên khắp thế giới, học phí ở mọi cấp độ đều bị coi là một yếu tố đáng kể ngăn cản học sinh thuộc các nhóm kinh tế xã hội có hoàn cảnh khó khăn tiếp cận giáo dục đại học. Ở Nam Phi, sinh viên yêu cầu miễn học phí tại tất cả các trường đại học công lập và tham gia vào các cuộc biểu tình và bạo loạn lớn. Phong trào #FeesMustFall (Bỏ học phí) dẫn đến việc bãi khóa, chiếm đóng các tòa nhà đại học và yêu cầu chính phủ thực hiện lời hứa miễn phí giáo dục đại học. Các cuộc biểu tình tương tự cũng diễn ra ở Chile.

Ở Hoa Kỳ, khoản vay để học đại học đang cao nhất trong lịch sử, mặc dù điều này chủ yếu do sự gia tăng mạnh mẽ số lượng sinh viên theo học tại các trường vì lợi nhuận và những sinh viên vay nợ để theo đuổi những chương trình chuyên môn sau đại học hứa hẹn mang lại thu nhập cao trong tương lai. Tuy nhiên, chi phí để theo học trong một trường đại học hoặc cao đẳng công lập nổi lên như một chủ đề lớn trong chiến dịch vận động tranh cử cho cuộc bầu cử tổng thống năm 2020 đang bị trì hoãn. Các ứng cử viên của đảng dân chủ đưa ra những lời hứa về mức tài trợ liên bang chưa từng có cho các bang để miễn học phí cho tất cả sinh viên - thường là không xem xét đến mức thu nhập của gia đình tính theo đầu người và không đưa ra được mô hình mạch lạc nào về cách thực hiện lời hứa đó về mặt tài chính hoặc pháp lý.

Tại hầu hết những quốc gia nói trên, phong trào chính trị yêu cầu miễn học phí không đưa ra được bất kỳ kế hoạch đáng giá nào về cách thức bù đắp cho khoản doanh thu bị thâm hụt. Các trường đại học cũng giống như các tổ chức khác trong xã hội: việc mất đi nguồn thu nhập quan trọng có thể gây ra những hậu quả lớn, bao gồm giảm số lượng tuyển sinh và số lượng các khóa học, và tỷ lệ sinh viên/giảng viên tăng lên.

Trong những xã hội có sự chênh lệch đáng kể giữa người giàu và người nghèo, như ở California, Chile hoặc Nam Phi, miễn học phí thực tế sẽ trở thành khoản trợ cấp cho những sinh viên giàu có hơn. Tùy thuộc vào thành phần của lực lượng sinh viên trong một trường đại học công, miễn học phí thực chất là sự chuyển giao của cải cho những sinh viên có thu nhập cao. Ngoài ra, nhiều quốc gia đang áp dụng chính sách miễn hoặc gần như miễn học phí, bao gồm Đức và Pháp, có xu hướng tuyển sinh một cách chọn lọc hơn vào các trường đại học công lập - thực chất, là cách hạn chế cơ hội tiếp

Tóm tắt

Trên khắp thế giới, học phí ở mọi cấp độ đều bị coi là một yếu tố đáng kể ngăn cản học sinh thuộc các nhóm kinh tế xã hội có hoàn cảnh khó khăn tiếp cận giáo dục đại học. Tại Hoa Kỳ, nợ sinh viên đang ở mức cao trong lịch sử. Trong hầu hết các trường hợp, phong trào chính trị yêu cầu miễn học phí không đưa ra được bất kỳ kế hoạch đáng giá nào về cách thức bù đắp cho khoản doanh thu bị thâm hụt. Hợp nhất các nguồn hỗ trợ tài chính hiện có, kết hợp với mức học phí lũy tiến, có thể là một mô hình đầy triển vọng.

cận một lợi ích công có mức cầu cao, đôi khi tạo thành lợi thế cho giáo dục nghề nghiệp.

Liệu ở Hoa Kỳ, ở California hay những nơi khác miễn học phí trong các trường đại học công có sức hấp dẫn không?

Trường hợp của California

Cách đây gần một năm, hội đồng quản trị của Đại học California (UC) đã phê duyệt tăng 2,6% học phí đối với sinh viên là cư dân từ các bang khác, nhưng giữ nguyên mức học phí đại học đối với sinh viên là cư dân của bang. UC vẫn đang phải nỗ lực bù đắp cho những khoản cắt giảm ngân sách của bang do cuộc Đại suy thoái. Nhưng vì sao chỉ tăng học phí đối với sinh viên là cư dân từ các bang khác, và không có kế hoạch tăng tương tự và mức tăng dự kiến đối với cư dân California? Một lý do là người dân California và các nhà lập pháp của họ có những lo ngại đáng kể về tác động của việc tăng học phí và mức nợ của sinh viên. Một lý do khác là thậm chí tăng học phí từ từ cũng bị coi là bước đi chính trị xấu. UC viện đến các cuộc đàm phán ngắn hạn, hàng năm với các nhà lập pháp về học phí và lệ phí, nhưng thường phải đối mặt với tối hậu thư không được tăng học phí.

Một thực tế trái ngược là việc tăng học phí đại học đối với sinh viên là cư dân California tại UC trong thập kỷ qua không dẫn đến sự giảm cơ hội tiếp cận của sinh viên có thu nhập thấp. Số lượng sinh viên dạng này thực tế vẫn tăng lên. Bằng cách nào mà UC vẫn tăng học phí trong khi nhà nước cắt giảm ngân sách đầu tư, còn số lượng sinh viên có thu nhập thấp tăng lên? UC đã theo đuổi cái mà tôi gọi là "mô hình học phí lũy tiến" - tăng học phí đồng thời cấp những khoản hỗ trợ tài chính đáng kể cho sinh viên có thu nhập thấp và sinh viên thuộc tầng lớp trung lưu. Khoảng 33% tổng thu nhập từ học phí được sử dụng để hỗ trợ tài chính. Chính sách hỗ trợ-trở-lại này bắt đầu từ những năm 1990, khi nhà nước giảm đầu tư vào giáo dục đại học công. Khi ngân sách nhà nước cấp theo số lượng sinh viên tiếp tục giảm, trong khi tuyển sinh nhiều hơn, vai trò của học phí tăng lên. Năm 2000, UC chỉ có hơn 183 ngàn sinh viên; giờ đây là hơn 280 ngàn. Hơn nữa, khả năng tăng học phí có thể là yếu tố quyết định để UC tạo ra một mô hình tài trợ ổn định hơn, tăng trưởng trong tuyển sinh và xây dựng thêm những chương trình đào tạo phù hợp với dân số và nhu cầu lao động của California.

Trong khoảng cách biệt giữa nhận thức và tác động thực tế của học phí xuất hiện một giải pháp tiềm năng.

Khám phá một mô hình định giá mới

Có thể quy định một mức học phí cụ thể hơn đối với sinh viên đại học có thu nhập trung bình và thấp (sinh viên có thu nhập gia đình dưới 80 ngàn USD không phải trả học phí hoặc lệ phí). Nhưng cách này liệu có được chấp nhận về mặt chính trị không?

Các nhà lãnh đạo của UC nên xem xét mô hình định giá học phí sửa đổi, mô hình này để xuất 5 mức học phí tùy theo thu nhập gia đình của sinh viên, đã tính đến Chương trình trợ cấp liên bang Pell Grants cho sinh viên có thu nhập thấp, nguồn hỗ trợ tài chính từ trường và Chương trình Cal Grants (cũng dành cho sinh viên có thu nhập thấp). Không khó xác định những sinh

viên đủ điều kiện để nhận những hình thức hỗ trợ tài chính này.

Biểu phí rõ ràng, chi tiết có thể tạo thêm cơ hội tiếp cận cho các nhóm thiệt thòi, những người giống như mọi sinh viên thường bị rối trí bởi cách tính học phí phức tạp (tổng chi phí hàng năm của giáo dục đại học), chỉ có thể được giảm thiểu bằng con đường phức tạp để hỗ trợ tài chính. Cũng quan trọng không kém, biểu phí rõ ràng cũng có thể thay đổi động lực của các cuộc tranh luận thường bị hiểu sai về tác động thực sự của học phí đối với sinh viên và khả năng chi trả của họ.

Do tỷ lệ hỗ trợ-trở-lại của UC cao, khi đề xuất tăng học phí và lệ phí, có một giả định rằng đó là mức tăng đối với tất cả sinh viên, trong khi thực tế chỉ có khoảng 50% sinh viên bị ảnh hưởng. Chỉ tăng học phí cho các nhóm thu nhập cao trong khi ví dụ như duy trì hoặc thậm chí giảm học phí cho sinh viên có thu nhập trung bình và thấp hơn, sẽ làm thay đổi những tranh cãi chính trị và ý nghĩa biểu tượng của những tranh luận về học phí ở California. Việc bổ sung và hợp nhất các nguồn hỗ trợ tài chính hiện có, kết hợp với khoản thu học phí bổ sung từ những người có khả năng chi trả, cũng cần được mô hình hóa để thực sự tăng kinh phí cho chương trình hỗ trợ-theo-nhu-cầu và tạo thêm nguồn thu cho các chương trình học thuật.

Đó có phải là mô hình không?

Những phiên bản khác của mô hình học phí lũy tiến này có hiệu quả ở các nước khác không? Đó là một câu hỏi khó, vì có những khác biệt đáng kể trong sự pha trộn các thể loại tổ chức giáo dục đại học ở nhiều nơi trên thế giới. Cũng tồn tại những khác biệt trong mô hình tài chính của các trường đại học, chương trình hỗ trợ tài chính cho sinh viên, những kỳ vọng chính trị và văn hóa của quốc gia, và trong những thách thức kinh tế xã hội mà các quốc gia phải đối mặt (xem Gayardon và Bernasconi về phong trào miễn học phí trong IHE #100).

Trong thực tế, xu hướng đại chúng hóa giáo dục đại học đồng nghĩa với việc chi phí cho giáo dục tăng lên ở hầu hết các quốc gia, nếu không phải là tất cả. Trước đây, miễn học phí có thể thực hiện được một phần vì chỉ có một tỷ lệ nhỏ dân số cùng độ tuổi theo đuổi giáo dục đại học. Miễn học phí bao hàm khái niệm giáo dục đại học là lợi ích công, nhưng ở nhiều nơi trên thế giới, điều này chủ yếu dành cho tầng lớp có đặc quyền.

Ngày nay, lời hứa miễn phí giáo dục đại học khác với việc thực hiện nó. Mặc dù lời hứa miễn phí giáo dục đại học về mặt chính trị dễ làm hài lòng các cử tri, là cơ sở cho nhiều chiến dịch tranh cử, gần như không có bất cứ đề xuất nào về cách lấp lỗ hổng ngân sách mà việc miễn học phí gây ra cho các trường đại học, hầu hết họ đang phải vật lộn về tài chính bởi vì phải đáp ứng nhu cầu học tập và kỳ vọng ngày càng tăng của các bên liên quan. Và, như đã lưu ý, hầu hết các quốc gia đều đang có vấn đề bất bình đẳng nghiêm trọng. Chỉ đơn giản miễn học phí, ngay cả khi việc đó có thể thực hiện được, cũng có thể làm trầm trọng thêm sự bất bình đẳng về thu nhập hoặc, ít nhất, tạo ra một hình thức chuyển giao của cải đáng ngờ hơn cho những người giàu có.

Những phiên bản khác của mô hình học phí lũy tiến này có hiệu quả ở các nước khác không?

Hội đồng tư vấn IHE

Ấn phẩm Giáo dục đại học Quốc tế (International Higher Education) có Hội đồng tư vấn gồm các chuyên gia cao cấp về giáo dục đại học, trợ giúp trong việc lựa chọn chủ đề và phổ biến các nội dung của tạp chí. Hội đồng Tư vấn gồm các thành viên:

Andrés Bernasconi, Pontifical Catholic University of Chile

Eva Egron-Pollack, Former Secretary General, International Association of Universities, France

Ellen Hazelkorn, BH Consulting Associates, Ireland

Jane Knight, University of Toronto, Canada

Marcelo Knobel, University of Campinas, Brazil

Betty Leask, La Trobe University, Australia

Nian Cai Liu, Shanghai Jiao Tong University, China

Laura E. Rumbley, European Association for International Education, the Netherlands

Jamil Salmi, Global Tertiary Expert, Colombia

Damtew Teferra, University of KwaZulu-Natal, South Africa Akiyoshi Yonezawa, Tohoku University, Japan

Maria Yudkevich, National Research University Higher School of Economics, Russia

Ấn phẩm của Trung tâm Giáo dục Đại học Quốc tế - CIHE

Publications

Philip G. Altbach, Edward Choi, Mathew R. Allen, and Hans de Wit, eds. (2019). *The Global Phenomenon of Family-Owned or Managed Universities*. Global Perspectives on Higher Education, volume 44. Rotterdam, Brill Sense Publishers.

The phenomenon of family-owned or managed higher education institutions (FOMHEI) is largely unknown as well as undocumented, yet there are literally hundreds of such universities around the world, both in the nonprofit and for-profit sectors. This book is the first to shed light on these institutions, which are an important subset of private universities—the fastest growing segment of higher education worldwide. FOMHEIs are concentrated in developing and emerging economies, but exist also in Europe and North America: we have identified FOMHEIs on all continents, ranging from marginal schools to well-regarded, comprehensive universities and top-level specialized institutions.

Hội nghị về Giáo dục đại học quốc tế -

CIHE Conference on International Higher Education

The Center for International Higher Education is organizing its first biennial Conference on International Higher Education, to be held at Boston College on October 23 and 24, 2020. The conference, marking the 25th anniversary of both the Center and *International Higher Education*, is intended to bring together senior academics and leaders in international higher education from around the world, alumni and friends/partners of CIHE, as well as other scholars, doctoral students, and postdocs with an interest in the field. The event will be organized around two tracks—international and comparative higher education, and the internationalization of higher education—and will include invited keynote presenters, panel discussions, and presentations of individual papers. Confirmed keynote speakers include Philip G. Altbach and Hans de Wit (Boston College), Simon Marginson (University of Oxford, UK), Rajani Naidoo (University of Bath, UK) and Ly Tran (Deakin University, Australia). It is our intention to publish some of the presented papers in special issues of *Higher Education* and *Journal of Studies in International Education* (there is no guarantee that a paper selected for inclusion in the conference program will be published in either journal, but all selected papers will be considered).

A modest registration fee will be charged to all attendees. The full call for proposals (for those interested in presenting a paper) and the registration link are both available on the CIHE website. Paper submissions are due by May 15, 2020.

Công bố trang xếp hạng học sinh THPT toàn quốc

Từ ngày 1/4/2020, Đại học FPT mở trang SchoolRank - công cụ tra cứu xếp hạng học sinh THPT đầu tiên tại Việt Nam.

SchoolRank được phát triển dựa trên phương pháp luận ATAR (Australian Tertiary Admission Ranking) - công cụ đo thứ hạng học sinh toàn Australia hàng năm, một trong những cơ sở để xét tuyển đầu vào của trường đại học. Học sinh truy cập tại địa chỉ <http://SchoolRank.fpt.edu.vn> rồi nhập thông tin, kết quả học tập là sẽ được biết mình nằm ở "top" bao nhiêu trên tổng số học sinh cả nước.

SchoolRank gồm hai bảng xếp hạng. Một là xếp hạng theo học bạ THPT. Học sinh cần nhập điểm tổng kết 9 môn học cơ bản trong chương trình học tập của lớp 11 và lớp 12 (học kỳ I). Điểm số của mỗi cá nhân sẽ được tham chiếu dựa trên phổ điểm của học sinh THPT toàn quốc, được thống kê và dự báo trên cơ sở số liệu 5 năm (2015-2019).

Hai là xếp hạng theo kết quả thi THPT quốc gia. Bảng xếp hạng sẽ dựa trên điểm thi của tất cả thí sinh. Học sinh cần nhập điểm 6 môn thi. Hiện, học sinh chưa thể tra bảng xếp hạng này do chưa có điểm thi THPT quốc gia năm 2020.

Sau khi tra cứu kết quả xếp hạng, học sinh trong TOP50 sẽ nhận được giấy chứng nhận cấp bởi Đại học FPT qua email. Mỗi giấy chứng nhận gửi về email của học sinh được kèm theo một mã hồ sơ. Tuy nhiên, giấy chứng nhận chỉ có giá trị thực khi học sinh gửi bản sao công chứng học bạ về trường FPT cùng mã hồ sơ để trường xác nhận tính hợp lệ của chứng nhận.



Những học sinh trong TOP 50 trở lên (50% học sinh có kết quả học tập tốt nhất) sẽ được gửi giấy chứng nhận như ảnh về mail

FPT Aptech “phá đảo” cuộc thi Công nghệ toàn cầu Techtrons 2020 do Aptech Global tổ chức

Sau 2 tuần tổ chức, ngày 7/5 vừa qua, Aptech Global đã công bố kết quả của Cuộc thi Công nghệ toàn cầu Techtrons 2020. Tại đây, FPT Aptech đã được vinh danh với nhiều thí sinh đạt các hạng mục giải thưởng cao.

Vượt qua hơn 5.000 thí sinh trên thế giới, 8 sinh viên của FPT Aptech đã có thành tích xuất sắc góp mặt tại Bảng xếp hạng Techtrons Thế giới gồm: Hà Quang Huy, Hoàng Minh Tâm, Tô Đào Việt Hoàng, Nguyễn Hoàng An, Nguyễn Nhật Hoàng Hà, Ngô Tấn Nguyên và Nguyễn Tiến Đạt.

Techtrons 2020 là cuộc thi Công nghệ do Aptech Global tổ chức với sự tham gia của hơn 5.000 sinh viên đến từ 40 quốc gia trên thế giới, trong đó, FPT Aptech có hơn 200 sinh viên đăng ký tham gia trên toàn quốc.

Cuộc thi được tổ chức dưới dạng thi Quiz, sinh viên làm bài thi trong vòng 30 phút và cần xác định kết quả nhanh, chính xác để ghi điểm.



Sinh viên FPT Aptech đạt thành tích nổi bật trên Bảng xếp hạng Techtrons Thế giới.



Giáo dục Đại học Quốc tế

International Higher Education

Tổng biên tập:

Philip G. Altbach

Phó tổng biên tập:

Laura E. Rumbley
Hans de Wit

Phát hành:

Edith S. Hoshino
Hélène Bernot Ullerö

Trợ lý biên tập:

Salina Kopellas

Văn phòng:

Center for International Higher Education, Campion Hall,
Boston College, Chestnut Hill, MA 02467, USA, Tel: (617)
552-4236, Fax: (552-8422, E-mail: highered@bc.edu,
<http://www.bc.edu/cihe>

Hoan nghênh các thư từ, ý tưởng thể hiện qua bài viết và báo cáo.
Xin vui lòng gửi bài viết qua e-mail tới highered@bc.edu, với
thông tin về vị trí công việc (sinh viên đại học, giáo sư, quản trị
giáo dục, hoạch định chính sách, v.v...) cùng lĩnh vực quan tâm và
chuyên môn của bạn. Không phải trả phí.

ISSN: 1084-0613 (bản tiếng Anh)

© Center for International Higher Education

Chịu trách nhiệm về bản tiếng Việt

Lê Trường Tùng

Dịch và biên tập

Nguyễn Khắc Thành
Nguyễn Kim Ánh
Nguyễn Thành Nam
Trần Ngọc Tuấn
Đỗ Thúy Uyên

Thư ký:

Lê Thị Loan

Thiết kế bản in và Web

Vũ Thị Ngọc Ánh
Nguyễn Thị Thu Nga
Nguyễn Thị Hà

Văn phòng:

Trường Đại học FPT,
Khu Giáo dục và Đào tạo, Khu CNC Hòa Lạc, Thạch Thất, Hà Nội
E-mail: ihe@fpt.edu.vn
<http://ihe.fpt.edu.vn>
Điện thoại: 024 7300 5588
© Trường Đại học FPT

In 1.000 bản, mỗi bản 50 trang, khổ 19x27cm, tại Công ty TNHH Thương mại - Quảng cáo và In Phụ Sỹ

Văn phòng: C5-14, Tầng 14, Tòa nhà Golden West, 2 Lê Văn Thiêm, Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

Nhà máy: Km 11, Xã Song Phương, Huyện Hoài Đức, Tp. Hà Nội

Giấy phép xuất bản đặc san số 171/GP-XBĐS cấp ngày 31/12/2019

In xong và nộp lưu chiểu Quý II năm 2020

